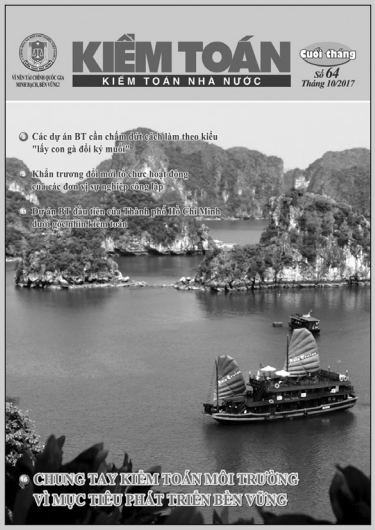

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH
Đỗ Hồng Công
ĐT: (024) 6282 0719

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
Mai Hải Đường
ĐT: (024) 6282 0711

TRỤ SỞ
79 Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội
Email: kiemtoancuoithang@sav.gov.vn
ĐT: (024) 6282 0721 - Fax: (024) 6282 0708

TÀI KHOẢN
Báo Kiểm toán 2601 0000 056239
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chi nhánh Tây Hà Nội

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ IN
Số 806/GP-BTTTT ngày 14/5/2012
của Bộ Thông tin và Truyền thông

IN TẠI
Công ty CP In KHCN mới

Giá: 15.000đ

KIỂM TOÁN cuối tháng

Số 64 - Tháng 10/2017

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 63 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG THỦ ĐÔ 10/10/1954 - 10/10/2017

Văn Hùng — Yêu Hà Nội đâu phải chỉ ngợi ca, hoài cổ — 2

TRÒ CHUYỆN CUỐI THÁNG

Trần Du Lịch — Các dự án BT cần chấm dứt cách làm theo kiểu "lấy con gà đổi ký muối" — 3

VẤN ĐỀ HÔM NAY

Minh Anh — Khẩn trương đổi mới tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập — 5

Thùy Anh — Báo cáo "Đánh giá chi tiêu công Việt Nam...": khuyến nghị chính sách cho hoạt động tài chính và kiểm toán — 8

Hồng Nhung — Phát triển thủy điện vừa và nhỏ: "Vỡ trận" quy hoạch và giải pháp cho bài toán an ninh năng lượng — 11

Bắc Sơn — Doanh nghiệp làm từ thiện - đừng để chính sách trở thành rào cản — 14

CHUYÊN ĐỀ

Blucer Welington - Rajagukguk — Cân bằng ba trụ cột: phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và phúc lợi xã hội — 17

Liu Jiayi — Kiểm toán môi trường - một nội dung quan trọng trong chiến lược văn minh sinh thái của Trung Quốc — 19

Chiew Koh Chon — Vai trò quan trọng của kiểm toán môi trường trong việc thực hiện các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững — 21

Lê Doãn Hoài — Nhiều sai phạm trong hoạt động quản lý và xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Khánh phú, tỉnh Ninh Bình — 22

Nguyễn Phú Giang — Kiểm toán môi trường đối với Dự án Tài chính nông thôn III - một số kết quả và khuyến nghị — 25

TRAO ĐỔI

Ts.Jose Oyola — Một phương án xử lý khó khăn khi kiểm toán dự toán ngân sách — 28

QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Hoàng Duy Trung — Dự án BT đầu tiên của Thành phố Hồ Chí Minh dưới góc nhìn kiểm toán — 31

Thùy Lê — Hợp phần hệ thống kênh Bắc sông Chu - Nam sông Mã thuộc Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt: Một dự án có nhiều giải pháp đảm bảo tính kinh tế và hiệu quả — 34

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Thanh Xuyên — Kiểm toán năng lượng - vấn đề đang được quan tâm tại nhiều quốc gia — 37

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

Yêu Hà Nội đâu phải chỉ ngợi ca, hoài cổ

VĂN HÙNG

Hơn sáu thập kỷ đã qua đi nhưng mùa thu năm 1954 vẫn còn đọng mãi trong ký ức những người con được sinh ra, lớn lên ở Hà Nội, nhất là những ai được sống với Thủ Đô ngày kháng chiến. Dù Hà Nội đã đổi thay rất nhiều cả bên ngoài cũng như bên trong, nhưng những người Việt Nam sống nơi đất khách quê người vẫn luôn hướng tâm hồn về mảnh đất linh thiêng ngàn năm yêu dấu - nơi đã đi qua "một thời đạn bom, một thời hòa bình".

Yêu Hà Nội, lo lắng cho mảnh đất kinh kỳ, ai cũng mong muốn Hà Nội ngày một hiện đại, văn minh mà không đánh mất bản sắc đã được bồi đắp qua hàng nghìn năm lịch sử. Ngày nay, Hà Nội đã được mở rộng, dân số tăng nhanh, bộ mặt đô thị đổi thay từng ngày với nhiều tòa nhà cao tầng, hạ tầng cơ sở hiện đại, cuộc sống nhộn nhịp, sôi động hơn. Người Hà Nội trong tâm trạng vừa mừng, vừa lo. Mừng vì Hà Nội ngày càng phát triển, được quy hoạch bài bản, đáp ứng nhu cầu và chất lượng sống của thời hiện đại, hội nhập. Lo vì quy hoạch Hà Nội còn chắp vá, bị phá vỡ, hạ tầng chưa đáp ứng với phát triển, bộc lộ nhiều bất cập, khó khắc phục và chậm được tiếp thu. Ý thức cộng đồng, xã hội của một bộ phận người dân bị mai một, thụt lùi, đi ngược với xu hướng phát triển của thành phố văn minh, hiện đại.

Hà Nội cổ kính hàng nghìn năm tuổi đang dần xuống cấp. Những di tích lịch sử, khu vực dân cư, phố cổ bị hư hỏng dù đã được tôn tạo, sửa chữa, bảo tồn nhưng vẫn chắp vá, chưa tương xứng với yêu cầu gìn giữ. Có thể do thiếu kinh phí xây mới, hay cũng có thể do tầm nhìn quy hoạch quá ngắn nên Hà Nội rất thiếu nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Bảo tàng, khu di tích lịch sử thường được "lưỡng dụng" vào hoạt động kinh doanh để tăng nguồn thu cải thiện cuộc sống; có nơi còn trở thành bãi trông giữ xe qua đêm, nơi bán đồ ăn uống…

Cuộc sống thời cơ chế thị trường, lợi ích nhóm và cả "cái khó bó cái khôn" đã làm cho Hà Nội trở nên cũ kỹ, nhếch nhác, nham nhở một cách đau lòng. Mặt nước Hồ Tây chưa được trả lại sự trong sạch sau nhiều năm bị mai một diện tích; nhiều du thuyền cũ nát nằm chềnh ềnh, lấn át mặt nước; nước thải quanh hồ âm ỉ gây ô nhiễm… Hà Nội thường xuyên bị ngập úng sau một vài cơn mưa nặng hạt. Hà Nội ùn tắc giao thông mỗi ngày, mỗi giờ. Hà Nội cổ xưa như đang lọt thỏm trong sự bao vây của những nhà cao tầng hiện đại. Hà Nội nóng rát mỗi khi nắng to vì mất dần cây xanh trăm tuổi và cây mới chưa kịp ra tán. Hà Nội không còn ao hồ điều hòa, kênh thoát nước xưa đã bị bê tông hóa thành nhà…

Ngày vui nhưng vẫn phải kể những chuyện buồn. Hôm nay, mỗi khi nhắc đến những bất cập, tồn tại của thành phố vì hòa bình, người ta lại phải cố ru bản thân bằng những lời biện minh "cười ra nước mắt": "Hà Nội không vội được đâu, muốn nhanh thì phải từ từ". Bởi vậy nên cái không ai muốn lại đến rất nhanh: hết đất, hết ao hồ, hết cây xanh, thay vào đó là những rừng bê tông của nhà cao tầng… Sự bức xúc về môi trường sống ngày càng tăng mỗi khi hè về, mỗi khi tham gia giao thông giờ cao điểm, mỗi khi thời tiết đổi thay…

Nhớ và yêu Hà Nội đâu phải chỉ là ngợi ca, hoài cổ, mỗi người hãy làm một việc cụ thể để hóa giải những bất cập vô lý, để giúp Hà Nội lấy lại nét cổ kính, thâm nghiêm, thanh lịch, quyến rũ của chính mình. Hà Nội là gia tài lịch sử vô giá của đất nước này, dân tộc này, Hà Nội cần trách nhiệm bảo vệ của tất cả mọi người, từ việc làm nhỏ nhất.

"Dù có đi bốn phương trời, lòng vẫn nhớ về Hà Nội. Hà Nội của ta, Thủ đô yêu dấu, một thời đạn bom, một thời hòa bình". Lời bài ca vang lên mỗi khi thu về lại nhắc nhở chúng ta cùng nhau dựng xây phát triển Hà Nội trong tâm thế trân trọng, giữ gìn bằng được những gì đã có trong lịch sử.

Đừng để Hà Nội xưa chỉ còn là hoài niệm trong thơ ca, nhạc họa, hãy giữ mãi những hàng me, hàng sấu, hoa sữa, tên phố, tên làng; hãy nhanh cứu lấy những con sông, hồ ao bị lấn, lấp, ô nhiễm… Mỗi chúng ta xin hãy thể hiện tình yêu Hà Nội của chính mình!■

Các dự án BT cần chấm dứt cách làm theo kiểu "lấy con gà đổi ký muối"

TS. TRẦN DU LỊCH - Nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Thành viên Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ trả lời phỏng vấn Đặc san Báo Kiểm toán

Thưa ông, thời gian gần đây, sự "nở rộ" của các dự án BT tại nhiều địa phương đã tạo ra không ít băn khoăn trong dư luận cũng như trên các diễn đàn báo chí. Bản thân ông đánh giá như thế nào về hình thức đầu tư này?

Thực chất, BT là nhà đầu tư ứng vốn thi công trước, sau đó trên cơ sở giá trị công trình, Nhà nước sẽ trả lại bằng quỹ đất hoặc bằng tiền, hoặc cả quỹ đất cả tiền. Ví dụ, Dự án Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Phạm Văn Đồng ở TP. HCM là một dự án tiêu biểu về BT. Nhà đầu tư sẽ nhận lại một số khu đất tương ứng với giá trị công trình. Dĩ nhiên, công trình đó phải được đánh giá, kiểm toán. Một hình thức BT khá phổ biến hiện nay là đổi đất lấy hạ tầng.

Tuy nhiên, đối với các dự án BT, có 2 vấn đề đặt ra:

Thứ nhất, việc đánh giá giá trị công trình khi nhà đầu tư xây dựng mang tính chất chỉ định, không thông qua đấu thầu về giá.

Thứ hai, quỹ đất Nhà nước giao cho nhà đầu tư mặc dù được cơ quan có thẩm quyền đánh giá nhưng cũng không qua đấu giá và cũng không qua thị trường. Có người nói, cách làm này giống thời kỳ chưa có tiền tệ, người ta đem muối đổi lấy con gà, đổi lấy gạo. Còn khi loài

người đã có thước đo chung là tiền thì phải lấy tiền làm vật so sánh chung. Dĩ nhiên, các dự án này đều lấy tiền để so sánh nhưng thực chất đều được đánh giá chủ quan, không thông qua thị trường. Cách làm này sẽ không tránh khỏi những tiêu cực, lãng phí.

Như ông nói, đây là cách làm không tránh khỏi những tiêu cực lãng phí, nhưng có một thực tế là nhiều địa phương hiện nay vẫn tiếp tục lựa chọn đầu tư theo hình thức "đổi đất lấy hạ tầng". Ông bình luận gì về thực tế này?

Tại sao chúng ta không đấu giá đất rồi đấu thầu xây dựng cầu, đường? Thật sự, tôi không hiểu. Tôi nghĩ, giai đoạn trước đây còn khó khăn thì có thể lý giải sự lựa chọn phương thức đó, nhưng bây giờ cơ chế thị trường đã khá rộng, có quá nhiều nhà đầu tư có thể tham gia. Tại sao không đấu thầu xây dựng theo phương thức ứng vốn trước thanh toán sau mà phải chỉ định thầu?

Thậm chí, có dự án BT, nhà đầu tư kéo dài công trình do thiếu năng lực tài chính, phải chờ khai thác quỹ đất để lấy tiền xây dựng công trình đổi đất. Nói nôm na, đây chính là hiện tượng "củi đậu đun hạt đậu", xuất phát từ việc nhà đầu tư không có vốn, tất cả đi vay ngân hàng làm tăng chi phí tài chính, đội giá công trình. Ngược lại, cũng có trường hợp nhà đầu tư phải ứng tiền cho chính quyền để giải tỏa đền bù. Về nguyên tắc, chính quyền phải có một nguồn vốn đối ứng nào đó để thực hiện trước một số việc. Tuy nhiên, chính quyền không có tiền và ngân sách nhưng lại muốn có công trình. Rõ ràng, chúng ta không thể nóng vội thực hiện các dự án như vậy để người dân phải gánh chịu hậu quả.

Với tình trạng này, trong giai đoạn tới chúng ta nên có định hướng như thế nào đối với hình thức đầu tư BT, thưa ông?

Hiện nay, nguồn vốn cho phát triển hạ tầng, vốn trái phiếu, vốn Chính phủ rất khó khăn. Cơ bản

là chúng ta chỉ có "vốn mồi" nên phải làm sao để sử dụng số vốn này cho hiệu quả. Trong bối cảnh đó, chủ trương thực hiện các dự án BT vẫn cần thiết phải làm.

Tôi cho rằng, BT thực sự là một phương thức huy động nguồn lực, chúng ta không nên chỉ trích. Nếu phương thức đó minh bạch thì rất tốt, không có vấn đề gì. Tôi thấy người ta vẫn làm như vậy với những công trình nhỏ. Quan điểm của tôi là ủng hộ nhưng các dự án đó phải thực sự minh bạch, công khai theo giá thị trường, không có chuyện chỉ định theo kiểu "lấy con gà đổi ký muối".

Vậy, để các dự án BT thực sự minh bạch, theo ông, chúng ta cần có giải pháp như thế nào cho vấn đề này?

Hiện nay, chúng ta hoàn toàn có khả năng thực hiện công khai, minh bạch các dự án BT theo 2 bước: Một là, đấu thầu xây dựng công trình với điều kiện bắt buộc là phải thanh toán sau. Hai là, trong quá trình đó, chúng ta đấu giá quỹ đất để lấy tiền trả cho nhà đầu tư. Tại sao chúng ta không thực hiện như vậy mà phải chỉ định thầu?

Theo tôi, điều chúng ta hướng tới là phải dùng thị trường để đánh giá. Tôi tin rằng, không một cơ quan thẩm định nào bằng thị trường. Tất cả phải theo thị trường cả đầu vào và đầu ra, chứ không phải chuyện "con gà đổi ký muối" theo kiểu ông này định giá ký muối, ông kia định giá con gà rồi đổi sang ngang.

Tóm lại, đối với các dự án BT, công trình xây dựng phải thông qua đấu thầu còn quỹ đất là phải đấu giá. Chúng ta hoàn toàn có thể làm như vậy để minh bạch và chống tiêu cực. Đây là nguyên tắc làm đúng và chúng ta phải hướng tới nguyên tắc này.

Phải thấy rõ nguyên nhân của những tiêu cực ở đây là do con người, đừng đổ cho pháp luật. Quy định về đấu thầu, đấu giá… là có hết, nhưng câu chuyện "quân xanh, quân đỏ" đâu phải do pháp luật. Nguyên nhân xuất phát từ con người, từ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan. Tất cả các luật đều tham khảo từ nhiều nước, vậy tại sao người ta làm được còn chúng ta thì không?

Bởi vậy, tôi cho đây là vấn đề thực hiện. Nếu nhà đầu tư không có vốn, chủ yếu đi vay và sử dụng trước quỹ đất hoán đổi để tạo vốn thì sẽ làm méo mó chủ trương BT. Một trong những tiêu chí để đấu thầu dự án BT hay BOT là năng lực tài chính của nhà đầu tư. Nếu nhà đầu tư chủ yếu dựa vào tiền vay ngân hàng để thực hiện thì chi phí tài chính của dự án sẽ cao và tất cả dồn vào giá trị công trình. Chỉ định nhà đầu tư BOT, BT mà không qua đấu thầu là cách làm tạo điều kiện cho những nhà đầu tư "tay không bắt giặc".

Nhiều sai phạm của dự án BT thời gian qua được phát hiện bởi các cơ quan thanh tra, kiểm toán. Hình thức đầu tư này cũng sẽ là một trọng tâm kiểm toán của KTNN trong năm 2018. Để các cuộc kiểm toán này được đúng và trúng, theo ông, KTNN nên lưu ý những nội dung gì?

Tôi cho rằng, *trước hết,* KTNN phải đánh giá rõ năng lực tài chính của nhà đầu tư các dự án BT đó. Nếu nhà đầu tư trúng dự án BT rồi bán lại thì sẽ gây nên những thất thoát lớn về giá trị công trình. Ví dụ, nhà đầu tư bán lại dự án này để lấy vài chục % thì cũng đồng nghĩa công trình đó mất vài chục %, chưa kể nó vẫn có thể tiếp tục bị bán đi, bán lại. Một dự án mà bị mấy tầng, mấy lớp lấy % như vậy thì cuối cùng tiền cho công trình đó không còn lại bao nhiêu, đó là chưa kể các tiêu cực khác.

Thứ hai, tôi đề nghị KTNN phải xem xét có tiêu cực trong thiết kế không? Bởi một nguyên tắc, phí thiết kế, phí dự án là tính trên giá trị công trình. Việc thiết kế dự án như vậy có phù hợp hay tất cả cùng đẩy giá công trình lên để mỗi bên đều có lợi? KTNN phải làm rõ điều đó. Thực tế, những cây cầu không cần thiết phải xây cao như vậy nhưng nhà đầu tư vẫn làm để đẩy giá lên. KTNN phải làm rõ từ khâu thiết kế, giám sát thiết kế cho tới thi công công trình chứ không phải chỉ kiểm toán giá trị công trình.

Thứ ba, cần làm rõ thủ tục chỉ định nhà đầu tư BT. Những công trình chất lượng kém, chi phí cao sẽ không tránh khỏi sự khuất tất trong quy trình chỉ định nhà đầu tư. Đây là khâu dễ phát sinh tiêu cực.

Vấn đề quan trọng là phải minh bạch ngay từ khi bắt đầu triển khai các dự án BT, không nên để chừng nào KTNN vào cuộc thì mới "lòi" ra các sai phạm. Nếu các dự án BT đều minh bạch, công khai ngay từ đầu thì việc kiểm toán hay thanh tra cũng sẽ không phải là công cụ bắt buộc như hiện nay.■

Xin trân trọng cảm ơn ông!

XUÂN HỒNG ***(thực hiện)***

Khẩn trương đổi mới tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập

MINH ANH

Thời gian qua, Việt Nam đã thực hiện nhiều chính sách, biện pháp đổi mới tổ chức, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) và bước đầu đạt được những kết quả quan trọng. Tuy vậy, lĩnh vực này vẫn tồn tại nhiều bất cập, yếu kém, nhất là trong vấn đề tổ chức lại cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng dịch vụ công để hướng tới mục tiêu công bằng và hiệu quả. Trước thực trạng trên, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII đã thông qua Nghị quyết về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng cũng như hiệu quả hoạt động của các đơn vị này.

Nhiều yếu kém và bất cập tại các đơn vị SNCL

Hiện nay, chưa kể đến các tổ chức, biên chế trong ngành công an, quân đội và khu vực DNNN, cả nước đã có khoảng 58 nghìn đơn vị SNCL với 2,5 triệu biên chế, giữ vai trò chủ đạo, cung cấp hầu hết dịch vụ sự nghiệp công, liên quan đến mọi người, mọi nhà, như: dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa, thể dục thể thao...

Theo ông Bùi Anh Bình - Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp, Bộ Tài chính - quá trình đổi mới chính sách tài chính đơn vị SNCL bắt đầu từ năm 2002 đến nay đã đạt được một số kết quả bước đầu. Tuy nhiên, các định mức kinh tế - kỹ thuật còn thiếu nên gây khó khăn trong việc xác định đơn giá đặt hàng, đấu thầu cũng như trong quá trình quản lý, lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công rất chậm. Theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL, năm 2016, các đơn vị phải tính đủ chi phí trực tiếp vào tiền lương; năm 2018, phải tính đủ chi phí quản lý và năm 2020 tính đủ chi phí khấu hao. Thế nhưng cho đến nay, lộ trình giá đối với đơn vị sự nghiệp y tế chỉ mới xây dựng bước đầu; còn tiêu chuẩn dịch vụ và các tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ công thì chưa được xây dựng, trong khi đây là cơ sở để cấp kinh phí hoạt động và sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công hoạt động kém hiệu quả. Cơ chế quản lý, cấp phát NSNN phần lớn vẫn theo yếu tố đầu vào như biên chế và tiền lương. Khi mở dịch vụ qua hoạt động liên doanh, liên kết, một số đơn vị chỉ chạy theo số lượng dịch vụ mà không quan tâm đến chất lượng, lạm dụng kỹ thuật để tăng thu. Vấn đề giao tài sản cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn như DN còn chậm, việc sử dụng tài sản công còn phân tán, có nơi lãng phí, hiệu suất thấp, đặc biệt là nhà đất. Chính sách khuyến khích và hỗ trợ các cơ sở ngoài công lập về vốn tín dụng ưu đãi và đất đai chưa thực sự bình đẳng…

Vì vậy, theo ông Bình, các đơn vị SNCL cần được đẩy mạnh quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện về tài chính, gắn với việc tăng cường quản trị nội bộ và kiểm tra của Nhà nước, giám sát của người dân và xã hội. Phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công, bình đẳng giữa đơn vị SNCL và đơn vị ngoài công lập; cung ứng dịch vụ với chất lượng cao, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ cho mọi người dân, đồng thời giảm chi phí hỗ trợ trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp công, tạo điều kiện tái cơ cấu lại NSNN, tạo nguồn để cải cách tiền lương.

Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, Báo cáo "Đánh giá chi tiêu công Việt Nam: Chính sách tài khóa

hướng tới bền vững, hiệu quả và công bằng" do Bộ Tài chính và Ngân hàng Thế giới công bố đã đưa ra nhận định: hiệu suất sử dụng nguồn nhân lực trong các ngành này chưa cao. Cụ thể là, thời lượng đứng lớp bình quân của giáo viên các cấp phổ thông ở Việt Nam thuộc hàng thấp nhất trong khối ASEAN (riêng tiểu học thấp hơn mức bình quân của ASEAN 25%). Quá trình giao biên chế, tuyển dụng viên chức của ngành giáo dục chưa có sự phối hợp nhịp nhàng giữa Bộ và Sở nội vụ, các Bộ và sở chuyên ngành, HĐND và thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp, dẫn đến số lượng và cơ cấu viên chức không khớp với nhu cầu sử dụng của các đơn vị ở cả cấp trung ương và địa phương. Đặc biệt, hầu hết các trường trung học cơ sở đều có tình trạng dôi dư giáo viên, chủ yếu do sự bất cập giữa các bộ môn cũng như giữa các trường.

Tương tự, trong lĩnh vực y tế, mặc dù Việt Nam có tỷ lệ chi tiêu y tế so với GDP cao so với nhiều nước trong khu vực nhưng lại chưa đạt được kết quả tối ưu, việc mua sắm phi tập trung đã dẫn tới tình trạng chênh lệch giá giữa các địa phương. Năm 2010, chi tiêu cho dược phẩm chiếm 43% tổng chi cho y tế, bằng 2,7% GDP, chiếm tới 60% tổng mức chi trả của bảo hiểm y tế. Bên cạnh đó, số lần thăm khám bệnh nhân trung bình của một bác sĩ ở Việt Nam mỗi năm cũng ít hơn so với quốc gia khác. Đặc biệt, hiệu suất thăm khám ở tuyến huyện và xã còn thấp dẫn đến tình trạng không khai thác hết công suất ở tuyến cơ sở và quá tải đối với tuyến tỉnh và tuyến trung ương. Theo Báo cáo, Việt Nam còn có khả năng nâng cao hiệu suất sử dụng nguồn nhân lực này…

Tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định, việc đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL là hết sức cần thiết, có ý nghĩa chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, nhân văn sâu sắc, góp phần vào sự nghiệp phát triển đất nước nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta. Tổng Bí thư đề nghị Trung ương tập trung phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện tình hình, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, từ đó đề ra quan điểm, mục tiêu và định hướng tiếp tục đẩy mạnh đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL gắn với bảo đảm ổn định chính trị, xã hội nói chung cũng như từng ngành, lĩnh vực nói riêng.

Đổi mới các đơn vị SNCL là nhiệm vụ trọng tâm được ưu tiên trong thời gian tới

Sau khi xem xét và thảo luận về Đề án "Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập", Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thông qua Nghị quyết về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đây được xem là một nhiệm vụ trọng tâm, được Đảng và Nhà nước ưu tiên hàng đầu trong thời gian tới.

Trung ương yêu cầu, các đơn vị SNCL phải khẩn trương sắp xếp, đổi mới tổ chức và hoạt động phù hợp với đặc điểm tình hình của từng ngành, lĩnh vực và địa bàn, gắn với đẩy mạnh xã hội hóa, nhưng không thương mại hóa lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công. Đẩy mạnh việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học - công nghệ có đủ điều kiện thành DN, bao gồm cả hình thức công ty cổ phần. Đổi mới, tăng cường chế độ kế toán, hạch toán, kiểm toán, kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với các đơn vị SNCL tương tự như đối với DNNN. Giảm mạnh sự can thiệp hành chính của cơ quan chủ quản vào hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị SNCL; từng bước tiến tới xoá bỏ "chủ quản" theo cơ chế cũ. Xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với từng loại hình dịch vụ sự nghiệp công; tiêu chí phân loại các đơn vị SNCL; tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị SNCL theo ngành, lĩnh vực; hệ thống tiêu chuẩn chức danh những người làm việc trong đơn vị SNCL. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp làm chậm, cố tình trốn tránh hoặc không thực hiện nhiệm vụ được giao và vi phạm các quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện của các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công…

Để thực hiện chủ trương nói trên, ông Bùi Anh Bình cho rằng: Bộ Tài chính cần đổi mới chính sách tài chính trong cung cấp dịch vụ công. Cụ thể là hoàn thiện văn bản pháp luật về cơ chế tự chủ đối với các đơn vị SNCL theo hướng tăng cường phân cấp và tăng tính chủ động cho các đơn vị này. Các Bộ, ngành, địa phương cần quyết liệt sắp xếp, giải thể, sáp nhập, tinh giản đầu mối, biên chế; ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xác định chất lượng, giá dịch vụ công.

Giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị, tăng số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư, song phải quy định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung.

Chuyển mạnh cơ chế cấp phát theo dự toán sang cơ chế thanh toán theo đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, có lộ trình cụ thể để thực hiện cơ chế đấu thầu cung cấp dịch vụ, tạo điều kiện cho cơ sở ngoài công lập cùng tham gia cung cấp các dịch vụ công mang tính đặc thù.

Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi từ phí sang thực hiện giá dịch vụ sự nghiệp công theo hướng Nhà nước quy định khung giá, từng bước tính đủ các chi phí đối với các loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu. Đối với giá dịch vụ công không sử dụng NSNN, cần giao quyền tự chủ cho các đơn vị quyết định theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí và có tích lũy theo quy định về giá.

Thực hiện cơ cấu lại chi thường xuyên theo hướng giảm cấp chi thường xuyên trực tiếp đối với các khoản chi đã được kết cấu vào dịch vụ, dành nguồn hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, đối tượng chính sách; tạo điều kiện hỗ trợ các đơn vị ngoài công lập trong việc đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ; cho phép cổ phần hóa đối với đơn vị sự nghiệp có đủ điều kiện, gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

Báo cáo "Đánh giá chi tiêu công Việt Nam: Chính sách tài khóa hướng tới bền vững, hiệu quả và công bằng" thì đưa ra khuyến nghị: Việc phân bổ giữa các lĩnh vực trong ngành giáo dục cần được cân đối lại để nâng cao cơ hội tiếp cận công bằng hơn ở cấp học mầm non và phổ thông. Trong chu kỳ ổn định ngân sách 2016-2020, trung ương nên phân bổ ngân sách chi thường xuyên cho các tỉnh theo dân số trong độ tuổi, còn các tỉnh phân bố theo số học sinh nhập học. Sau năm 2020, việc phân bổ ngân sách chi thường xuyên cho các tỉnh sẽ theo số học sinh nhập học.

Theo Báo cáo này, đội ngũ giáo viên và chương trình giáo dục cũng cần được cơ cấu lại để thời lượng giảng dạy của giáo viên có thể được nâng lên, nhất là đối với cấp phổ thông cơ sở. Muốn khắc phục tình trạng dôi dư giáo viên, các cơ quan liên quan cần xây dựng kế hoạch tuyển dụng trong trung hạn để cân đối giữa cung và cầu, nâng cao tự chủ cho các đơn vị hành chính sự nghiệp đối với vấn đề tuyển dụng và sử dụng lao động, đồng thời phải đặt việc tinh giản, cơ cấu lại bộ máy và biên chế khu vực công là giải pháp chính trong tổng thể cải cách hành chính công.

Để nâng cao hiệu quả chi tiêu công trong ngành y tế, giảm chi phí thuốc cho người dân, Nhà nước cần hình thành và triển khai một cách thận trọng cơ chế mua sắm tập trung cấp quốc gia, đàm phán giá dược phẩm, đồng thời cân nhắc tăng cường năng lực cho cơ quan bảo hiểm xã hội (hoặc một tổ chức khác) về vấn đề giám sát cũng như đánh giá độc lập đối với các chi phí sử dụng dịch vụ y tế.■

Báo cáo "Đánh giá chi tiêu công Việt Nam…": khuyến nghị chính sách cho hoạt động tài chính và kiểm toán

THÙY ANH

Trong chu trình ngân sách, báo cáo tài chính và kiểm toán là những khâu cuối cùng, tuy nhiên đây lại là các quy trình thiết yếu vừa đảm bảo minh bạch và liêm chính, vừa cung cấp thông tin cần thiết để lập dự toán ngân sách trong những năm tiếp theo. Chính vì vậy, các báo cáo về ngân sách và báo cáo tài chính phải thể hiện rõ tình hình tài khóa tổng thể hiện tại cũng như dự báo được kế hoạch ngân sách của Chính phủ cho tương lai một cách toàn diện. Để làm được điều đó, vấn đề hết sức quan trọng là báo cáo tài chính của Chính phủ phải được lập theo chuẩn mực kế toán quốc tế, sử dụng các khái niệm được quốc tế chấp nhận.

Đó là một trong những khuyến nghị được nêu trong Báo cáo "Đánh giá chi tiêu công Việt Nam: Chính sách tài khóa hướng tới bền vững, hiệu quả và công bằng" cho giai đoạn 2010-2015 do Bộ Tài chính và Ngân hàng Thế giới (WB) vừa công bố. Báo cáo được kỳ vọng sẽ giúp cho Chính phủ có thêm căn cứ để xây dựng chính sách và chương trình hành động đúng đắn hơn, mang lại hiệu quả cao hơn, đặc biệt là để xử lý tốt hơn mục tiêu tăng trưởng kinh tế đi đôi với giảm nghèo và hội nhập quốc tế.

Sáu chế độ kế toán cần được thay thế bằng một bộ chuẩn mực

Báo cáo Đánh giá chi tiêu công Việt Nam nhận định: báo cáo quyết toán NSNN hiện nay chưa trình bày đầy đủ về hoạt động tài chính của Chính phủ. Mặc dù báo cáo tình hình thực hiện ngân sách của Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã bao gồm toàn bộ thu và chi thuộc quy định của Luật NSNN, tuy nhiên, sự hữu ích của thông tin này bị ảnh hưởng do cách thức hạch toán chuyển nguồn và do một số khoản chi tiêu vẫn chưa được đưa vào ngân sách như các khoản thu từ phí dịch vụ.

Hiện nay Việt Nam có 6 chế độ kế toán bao gồm: kế toán NSNN và kho bạc; kế toán thuế nội địa; kế toán hải quan; kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp; kế toán ngân sách xã và kế toán quỹ tài chính. Các chế độ này không dựa trên một bộ chuẩn mực và chế độ kế toán thống nhất. Vì vậy, các chế độ này cần được thay thế bằng một bộ chuẩn mực kế toán thống nhất dựa trên Chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS).

Chính phủ dự kiến sẽ triển khai VPSAS của Việt Nam tương đương với Chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS) trên cơ sở dồn tích. Tuy nhiên, theo WB, để tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực dồn tích, yêu cầu đặt ra là phải ghi nhận được toàn bộ tài sản có và tài sản nợ trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Đây là một nhiệm vụ rất lớn, đòi hỏi phải xác định và định giá toàn bộ tài sản có như các bệnh viện, trường học, công sở và cả tài sản hạ tầng như đường sá, đập nước… Trong trường hợp không có đủ thông tin đáng tin cậy về giá trị lịch sử thì cần phải áp dụng các phương pháp định giá thay thế như chi phí thay thế sau hao mòn. Ngoài ra, toàn bộ tài sản nợ cũng cần được xác định và định giá, các tài sản nợ này còn bao gồm toàn bộ nghĩa vụ với người lao động - điều này thường được xác định dựa trên kỹ thuật định giá bảo hiểm.

IPSAS đòi hỏi phải lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các đơn vị mà Chính phủ có lợi ích sở hữu và phản ánh toàn bộ các giao dịch liên quan đến các hoạt động và nghiệp vụ của Chính phủ. Một trong những yêu cầu đặt ra là phải trình bày được số liệu dự toán ngân sách và phải giải trình được lý do chênh lệch lớn so với dự toán (nếu có). Điều đó có nghĩa là hoặc NSNN phải bao gồm toàn bộ các giao dịch phát sinh tại các đơn vị mà Chính phủ có lợi ích sở hữu (các đơn vị và quỹ thuộc sở hữu của Chính phủ) hoặc phải có một

bước riêng để trình bày thông tin nhà nước hợp nhất. Cho dù có theo phương án nào, điều cần thiết là phải loại bỏ được các giao dịch nội bộ giữa các đơn vị thuộc phạm vi báo cáo tài chính của Chính phủ để tránh trùng lặp như các khoản bổ sung ngân sách của trung ương cho địa phương.

Luật Kế toán sửa đổi năm 2015 đã quy định về lập báo cáo tài chính nhà nước, KBNN chịu trách nhiệm lập báo cáo này và trình Quốc hội cùng với thời điểm trình quyết toán NSNN. Tuy nhiên, Luật Kế toán 2015 không đòi hỏi báo cáo tài chính nhà nước phải được kiểm toán, vì vậy WB khuyến cáo Việt Nam nên cân nhắc quy định các báo cáo này cần được kiểm toán.

Xuất phát từ thực trạng trong công tác kế toán và báo cáo tài chính cho khu vực công, Báo cáo đưa ra khuyến nghị: các quy định về lập dự toán và quyết toán NSNN phải có sự đồng bộ để có thể dễ dàng so sánh số dự toán với số thực hiện và chênh lệch phải được giải thích. Điều này có nghĩa là phí dịch vụ cần được đưa vào ngân sách và cách thức hạch toán chuyển nguồn cần được thay đổi.

Để triển khai IPSAS, bước đi cần thiết thứ nhất là Việt Nam cần xác định rõ ràng các đơn vị thuộc khu vực công, các hoạt động và nghiệp vụ cần được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất, đồng thời phải đảm bảo người đọc hiểu rõ rằng toàn bộ các giao dịch của các đơn vị đó đã được đưa vào báo cáo tài chính Chính phủ hợp nhất.

Việc triển khai IPSAS cũng đòi hỏi Chính phủ phải lập báo cáo thuyết minh đầy đủ về các chế độ chính sách kế toán quan trọng. Các chế độ đó cần được áp dụng nhất quán ở tất cả đơn vị thuộc khu vực công và phải sử dụng cùng các mẫu biểu cũng như kế toán đồ về lập báo cáo tài chính theo IPSAS. Việc này sẽ giúp dễ dàng phân tích số thực hiện so với dự toán và dễ giải thích về sự khác biệt số liệu (nếu có). Bởi vì việc triển khai IPSAS sẽ tạo ra sự thay đổi lớn đối với các chế độ kế toán ở khu vực công hiện nay cho nên đề xuất về lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở dồn tích của Việt Nam cần được tiến hành thận trọng theo lộ trình thích hợp. Quá trình triển khai VPSAS cần được lên kế hoạch hợp lý với một lộ trình chi tiết, trong đó giai đoạn đầu báo cáo tài chính nên được xây dựng theo cơ sở tiền mặt có một số yếu tố dồn tích sau đó mới chuyển sang tuân thủ đầy đủ IPSAS dồn tích.

KTNN cần gắn kết việc phát triển năng lực với quá trình cải cách quản lý tài chính công

Liên quan đến KTNN, Báo cáo đưa ra nhận định: Hiện nay, KTNN chủ yếu tập trung vào kiểm toán tuân thủ, tuy nhiên KTNN đang ngày càng chú trọng đến kiểm toán hiệu quả hoạt động và đã đạt được những tiến triển tốt trong việc nâng cao năng lực ở lĩnh vực này. Năng lực kiểm toán

tài chính của KTNN đang được phát triển với dự kiến áp dụng phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro và gắn kết các chuẩn mực của KTNN với chuẩn mực quốc tế ISSAI bậc 4.

Trong 5 năm (2011-2015), ít nhất 50% thu và chi NSNN được KTNN kiểm toán, phần lớn các Bộ, ngành trung ương, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, các tập đoàn kinh tế nhà nước được kiểm toán 2 năm 1 lần. Từ năm 2007, KTNN đã kiểm toán các báo cáo quyết toán NSNN làm cơ sở để Quốc hội xem xét và phê duyệt quyết toán ngân sách hằng năm.

KTNN đã công khai nhiều loại báo cáo qua các phương tiện thông tin đại chúng, trong đó có các báo cáo thường niên về tiến độ triển khai các kiến nghị kiểm toán và kết quả những cuộc kiểm toán quy mô lớn được dư luận quan tâm. Bên cạnh đó, KTNN còn báo cáo định kỳ với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định và chủ động báo cáo về các kết luận kiểm toán được quan tâm tới Quốc hội và Chính phủ. KTNN đã có quy trình riêng về theo dõi, giám sát việc thực hiện kiến nghị kiểm toán, tỷ lệ thực hiện kiến nghị kiểm toán trong những năm gần đây đạt khoảng 70%...

Theo Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2020, lực lượng cán bộ của KTNN sẽ tăng lên đáng kể. Về nội dung này, WB khuyến nghị KTNN cần gắn kết các hoạt động đào tạo cũng như phát triển năng lực với những thay đổi trong quá trình cải cách quản lý tài chính công. Đồng thời, KTNN cần đánh giá đầy đủ về nhu cầu lực lượng lao động dựa trên năng lực, bao gồm cả phân tích về nhiệm vụ dự kiến (số lượng và loại hình kiểm toán) cũng như năng lực và số lượng cán bộ yêu cầu ở mỗi cấp để làm căn cứ cho công tác tuyển dụng, đào tạo cán bộ và khả năng thuê ngoài hoặc bổ sung nguồn lực từ khu vực tư nhân (nếu cần).

KTNN cần được sử dụng các thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính - ngân sách trên cơ sở thống nhất với Bộ Tài chính.

Mặc dù KTNN có tham gia thảo luận về việc lập kế hoạch NSNN cũng như nhiều phiên thảo luận toàn thể về dự toán ngân sách nhưng lại chưa được tiếp cận các tài liệu kế hoạch ngân sách kịp thời để kiểm tra, tham mưu nên còn đóng vai trò hạn chế trong việc xem xét dự toán NSNN và tham mưu cho Quốc hội.

Cần triển khai chức năng kiểm toán nội bộ ở tất cả các đơn vị của Chính phủ

Về kiểm toán nội bộ, Báo cáo nhận định: Việt Nam mới chỉ nhìn nhận chức năng kiểm toán nội bộ là một nội dung quan trọng trong kiểm soát quản lý tài chính công trong thời gian gần đây. Chính vì vậy, việc xây dựng chức năng này trong khu vực công mới ở giai đoạn sơ khai. Ngoài Luật Kế toán, chưa có quy định cụ thể về khuôn khổ kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ. Luật Kế toán 2015 lần đầu tiên quy định các đơn vị kế toán công phải thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ. Nghị định về kiểm toán nội bộ cho cả khu vực công và tư nhân đã được Bộ Tài chính xây dựng.

Báo cáo khuyến nghị, Nghị định này cần quy định cụ thể bộ máy kiểm toán nội bộ tại các đơn vị dự toán cấp 1 và tại toàn bộ DNNN lớn một cách hợp lý. Mọi đơn vị còn lại của khu vực công cũng nên được khuyến khích hình thành bộ máy kiểm toán nội bộ để hỗ trợ cải thiện về quản trị, thực hiện trách nhiệm giải trình và đảm bảo môi trường kiểm soát. Báo cáo nhấn mạnh, điều hết sức quan trọng khi triển khai chức năng kiểm toán nội bộ trong khu vực công là phải đảm bảo nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ, thanh tra và kiểm toán độc lập được phân định rõ ràng, tránh trùng lặp, chồng chéo.

Những vấn đề về báo cáo tài chính và kiểm toán nêu trên cần được thực hiện đồng bộ nhằm góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình để hoạt động chi tiêu công mang lại hiệu quả lớn nhất.

Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các khuyến nghị của Báo cáo "Đánh giá chi tiêu công Việt Nam: Chính sách tài khóa hướng đến bền vững, hiệu quả và công bằng", đồng thời định kỳ 6 tháng phải báo cáo kết quả thực hiện các khuyến nghị về Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.■

KTNN cần được sử dụng các thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính - ngân sách trên cơ sở thống nhất với Bộ Tài chính.

Mặc dù KTNN có tham gia thảo luận về việc lập kế hoạch NSNN cũng như nhiều phiên thảo luận toàn thể về dự toán ngân sách nhưng lại chưa được tiếp cận các tài liệu kế hoạch ngân sách kịp thời để kiểm tra, tham mưu nên còn đóng vai trò hạn chế trong việc xem xét dự toán NSNN và tham mưu cho Quốc hội.■

Phát triển thủy điện vừa và nhỏ: "Vỡ trận" quy hoạch và giải pháp cho bài toán an ninh năng lượng

HỒNG NHUNG

Đảm bảo an ninh năng lượng là tiền đề quan trọng cho sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, phát triển không có nghĩa là chấp nhận đánh đổi bằng mọi giá. Sự phát triển "nóng" của các dự án thủy điện vừa và nhỏ thời gian qua đã làm dấy lên không ít quan ngại bởi thực trạng quy hoạch thủy điện thiếu kiểm soát…

"Vỡ trận" quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ

Khoảng hơn 10 năm trở lại đây, tận dụng lợi thế về địa hình với số lượng sông suối lớn, độ dốc cao… nhiều tỉnh miền núi đã coi phát triển thủy điện nhỏ là "con gà đẻ trứng vàng". Tuy nhiên, thực trạng phát triển một cách ồ ạt các công trình thủy điện nhưng thiếu sự giám sát đã gây nên không ít hệ lụy khi chủ đầu tư quay lưng. Và sau nhiều năm trải thảm đỏ thu hút đầu tư, giờ đây, Hà Giang, Cao Bằng - các địa phương đi đầu trong phong trào phát triển năng lượng ở miền Bắc - đã phải hứng chịu hàng loạt hậu quả như mất rừng, sông suối cạn trơ đáy, dự án xây dựng dở dang, danh lam thắng cảnh ảnh hưởng nghiêm trọng…

Chỉ tính riêng Cao Bằng, mặc dù năm 2011, địa phương này đã loại bỏ 11 dự án thủy điện ra khỏi quy hoạch, nhưng hiện vẫn còn 40 dự án nằm trong quy hoạch với tổng công suất lắp máy hơn 350 MW. Trong đó, 24 dự án được tỉnh phê duyệt năm 2007, 10 dự án do Bộ Công Thương phê duyệt, điều chỉnh và 6 dự án được tỉnh phê duyệt bổ sung. Theo quy hoạch này, hệ thống sông Gâm với chiều dài khoảng 60 km sẽ phải "cõng" tới 6 dự án thủy điện.

Còn tại Hà Giang, từ năm 2005 cho đến nay, có 72 dự án thủy điện với tổng công suất lắp máy 768,8 MW đã được quy hoạch. Trong giai đoạn đầu từ năm 2005-2010, địa phương này được quy hoạch 26 dự án với tổng công suất lắp máy 474,9 MW. Trong khi đó, theo Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ, thì số lượng dự án thủy điện nhỏ giai đoạn 2 được điều chỉnh thêm 34 dự án. Mặc dù hệ thống thủy điện đã được quy hoạch dày đặc trên hầu hết các con sông, nhưng trong khoảng thời gian từ cuối năm 2009-2011, tỉnh này vẫn tiếp tục quy hoạch thêm 11 dự án với tổng công suất lắp máy hơn 160 MW. Mãi cho đến tháng 4/2013, sau khi cùng Bộ Công Thương rà soát các dự án thủy điện, UBND tỉnh Hà Giang mới loại bỏ 27 trong tổng số 72 dự án ra khỏi quy hoạch. Dẫu vậy cho đến nay, mỗi con sông ở đây vẫn phải gồng gánh từ 3-6 dự án thủy điện.

Lý giải thực trạng trên, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang Hoàng Văn Nhu cho biết: trước đây, công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch dự án thủy điện chưa sát với thực tế, thiếu sàng lọc ngay từ khi kêu

gọi. Vì thế, không ít chủ đầu tư thiếu năng lực và kinh nghiệm đã "nhảy" vào đầu tư, dẫn đến việc phải thường xuyên điều chỉnh, loại bỏ nhiều dự án khỏi quy hoạch.

Theo quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ, cả nước có 824 dự án với tổng công suất 24.778 MW, đạt 95,5% về công suất so với tiềm năng kinh tế. Trong đó, 343 dự án (công suất 17.987 MW) đã vận hành khai thác, 165 dự án (công suất 3.348 MW) đang thi công xây dựng, 260 dự án mới (công suất 3.050 MW) đang nghiên cứu để đầu tư xây dựng, còn lại 56 dự án (công suất 393,5 MW) chưa có chủ trương đầu tư.

Theo Quyết định số 2394/QĐ-BCT ngày 01/9/2006 của Bộ Công Thương quy định phân ngưỡng thủy điện, đối với các dự án thủy điện nhỏ có công suất nằm trong phạm vi từ 1 ÷ 30 MW, cả nước có 714 dự án (công suất 7.238 MW) nằm trong quy hoạch, trong đó, 270 dự án (công suất 2.767,7 MW) đã vận hành khai thác, 141 dự án (công suất 1.739 MW) đang thi công xây dựng, 250 dự án (công suất 2.466 MW) đang nghiên cứu để đầu tư xây dựng, còn lại 53 dự án (công suất 265,5 MW) chưa có chủ trương đầu tư.

Phó Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo - Bộ Công Thương, Đỗ Đức Quân cho biết, trước năm 2013, công tác quy hoạch thủy điện nhỏ do UBND các tỉnh tổ chức lập, thẩm định và quyết định sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Công Thương, song việc quản lý chưa đồng bộ đã làm nảy sinh nhiều bất cập. Cụ thể, có tình trạng các nhà đầu tư "chạy" xong dự án là trao đổi mua đi bán lại mà không tổ chức triển khai thực hiện như Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp. Chưa kể, năng lực tài chính và năng lực quản lý dự án của một số chủ đầu tư còn hạn chế. Một số văn bản quy phạm pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới để phù hợp với tình hình mới như quy định về quản lý an toàn đập...

Thứ trưởng Bộ Công Thương Hoàng Quốc Vượng thừa nhận: Công tác quản lý nhà nước về thủy điện mặc dù đã được tăng cường nhưng vẫn còn một số hạn chế, trong đó có nguyên nhân là các cơ quan liên quan ở địa phương còn hạn chế về nhân lực, chuyên môn và thiếu quan tâm. Một số chủ đầu tư, tư vấn, nhà thầu chưa nghiêm túc thực hiện, thậm chí còn vi phạm quy định pháp luật trong quá trình đầu tư, xây dựng hoặc vận hành khai thác; năng lực quản lý dự án, thiết kế và thi công của nhiều đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu. Vì vậy, chất lượng của quy hoạch và công trình xây dựng tại một số dự án chưa đáp ứng yêu cầu, còn vi phạm quy định vận hành, gây bức xúc trong dư luận.

Hướng tới phát triển thủy điện bền vững, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội về tăng cường quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện, những năm qua, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với UBND các tỉnh tiến hành rà soát, loại bỏ 468 dự án và vị trí tiềm năng thủy điện với công suất khoảng 2.044 MW do không đảm bảo hiệu quả đầu tư, tác động tiêu cực lớn đối với môi trường - xã hội (chủ yếu là các dự án thủy điện nhỏ có công suất thấp)...

Mới đây, tại Hội thảo "Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ, phát triển năng lượng tái tạo: an toàn - hiệu quả - bền vững", Thứ trưởng Hoàng Quốc Vượng khẳng định: hiện Chính phủ chưa cho phát triển lại 468 dự án thủy điện. Trong khoảng 5-10 năm tới, nếu chi phí phát triển hệ thống điện tăng cao thì sẽ xem xét lại. Thời điểm hiện nay, tính hiệu quả của các dự án không cao nên phải rà soát để xem xét bổ sung, cập nhật lại các dự án.

Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam Trần Đình Thiên cho rằng: chúng ta hoàn toàn có thể bổ sung và tiếp tục thực hiện các dự án thủy điện nhỏ và vừa, nhưng điều kiện tiên quyết là cần thay đổi các chính sách, cơ chế, giải pháp để bảo đảm lợi ích dài hạn. Việc phát triển các dự án thủy điện vừa và nhỏ là để tận dụng tài nguyên và cũng là cách giảm xây mới các nhà máy nhiệt điện than, vốn gây ra nhiều tác động tiêu cực tới môi trường. "Khôi phục nhưng không phải theo cách cũ, theo phong trào mà phải theo chiến lược mới, tư duy mới" - ông Thiên nhấn mạnh.

Theo Quy hoạch điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 điều chỉnh, để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng trên 6,7%/năm, đến năm 2020, sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu của Việt Nam cần đạt 265-278 tỷ kWh và đạt 572-632 tỷ kWh vào năm 2030. Quy hoạch cũng đặt ra mục tiêu, đến năm 2020, tổng công suất lắp đặt các nguồn thủy điện đạt 21.600 MW, năm 2025 đạt 24.600 MW và đến năm 2030 khoảng 27.800 MW.

Để phát triển bền vững và hiệu quả thủy điện nhỏ ở Việt Nam, theo ông Đỗ Đức Quân, cần phải thực hiện 5 giải pháp:

Một là, nâng cao hiệu quả công tác rà soát, đánh giá quy hoạch các công trình thủy điện đang vận hành khai thác.

Hai là, tăng cường hơn nữa nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương trong công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Ba là, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm hoặc không thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành.

Bốn là, tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương để thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các công trình thủy điện, từng bước tiến tới phát triển thủy điện một cách bền vững.

Năm là, Chính phủ, các Bộ, ngành chức năng sớm xem xét, bổ sung, điều chỉnh các nghị định, thông tư, chế tài, thể chế để kịp thời đáp ứng với việc đầu tư phát triển thủy điện nhỏ, đảm bảo hiệu quả và bền vững.

Đại diện Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo cũng cho biết, thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tham mưu và trình Chính phủ ban hành Nghị định về thu hút đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài trong đầu tư phát triển thủy điện nhỏ ở Việt Nam.

Nhằm phát huy hiệu quả trong lĩnh vực này cũng như góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, Bộ Công Thương sẽ đề xuất nhiều cơ chế, chính sách ưu tiên đối với các nhà đầu tư thủy điện nhỏ như điều chỉnh mức vốn tự có của chủ đầu tư từ 30% theo quy định xuống 15%, thậm chí có cơ chế ưu tiên để các chủ đầu tư được vay với lãi suất ưu đãi đầu tư cho dự án từ World Bank... Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng cần kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm hoặc không thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành về quản lý đầu tư, chất lượng xây dựng công trình, cam kết bảo vệ môi trường... theo quy định của pháp luật.

Thứ trưởng Hoàng Quốc Vượng đề nghị: Thời gian tới, các Bộ, ngành cần tăng cường phối hợp, thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các công trình thủy điện, tiến tới từng bước phát triển thủy điện một cách bền vững trên cơ sở hài hòa giữa yêu cầu đảm bảo an ninh năng lượng với việc cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp, giữa yêu cầu về phát triển kinh tế với môi trường và giữ gìn bản sắc dân tộc, nhất là vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.■

Doanh nghiệp làm từ thiện - đừng để chính sách trở thành rào cản

BẮC SƠN

Hiện nay, nước ta đã trở thành nước có mức thu nhập trung bình, đồng nghĩa với việc nguồn viện trợ nhân đạo, chương trình từ thiện của các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế sẽ bị thu hẹp dần. Trong khi đó, việc làm từ thiện của các DN cho đến nay vẫn đang mang tính sơ khai tự phát; các tổ chức xã hội (TCXH) cũng mới hình thành, hoạt động thiếu cơ sở pháp lý. Vấn đề mấu chốt ở đây nằm trong mối liên kết của 3 chủ thể liên quan trực tiếp là: Nhà nước - DN- TCXH.

DN ngày càng quan tâm đến các hoạt động từ thiện

Theo thống kê của Bộ Nội vụ, năm 2014, Việt Nam có trên 52.000 hội, 400 quỹ và cơ sở bảo trợ xã hội với khoản đầu tư hỗ trợ cho các hoạt động từ thiện lên tới 150.000 USD/năm. Khi các nguồn hỗ trợ từ thiện dành cho các tổ chức phi chính phủ quốc tế giảm dần, các hoạt động phát triển cộng đồng sẽ cần nguồn lực mới từ khu vực DN. Từ thiện của DN được đánh giá là nguồn từ thiện ổn định, chuyên nghiệp và phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới. Theo thông tin từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nguồn vốn huy động Chương trình 30a của DN thu được hơn 3.000 tỷ đồng, cao hơn huy động từ địa phương (hơn 2.000 tỷ đồng). Điều đó phản ánh một phần nguồn tài chính đầu tư cho các hoạt động từ thiện hiện nay chủ yếu đến từ các DN.

Phân tích về hoạt động từ thiện của DN, bà Tô Kim Liên - Giám đốc Trung tâm Giáo dục và Phát triển (CED) - cho biết, ở Việt Nam hiện nay, từ thiện DN có ba cấp độ khác nhau:

Cấp độ thứ nhất là, hỗ trợ từ thiện khẩn cấp nhằm giải quyết những nhu cầu khẩn cấp của cộng đồng hay nhóm đối tượng cụ thể vượt qua khó khăn trước mắt. Đây là hỗ trợ từ thiện thu hút sự ủng hộ mạnh mẽ của DN với tiền mặt, hàng hóa, dịch vụ sẵn có và sự tham gia của người lao động.

Cấp độ thứ hai là, hỗ trợ từ thiện mang tính chiến lược. Theo đó, DN có thể sử dụng đa dạng khả năng chuyên môn, kỹ thuật và nguồn lực để đầu tư vào các chương trình từ thiện, chương trình hỗ trợ cộng đồng dài hạn hơn. Ví dụ, ký hợp đồng cung cấp nguyên liệu đầu vào, tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương.

Ở cấp độ thứ ba, hỗ trợ từ thiện trở thành nhân tố mang lại sự thay đổi. Đây là những chương trình hỗ trợ sáng kiến hoặc ý tưởng có tính khả thi mang lại sự thay đổi tích cực về xã hội và môi trường trên diện rộng. Những sáng kiến và ý tưởng đó có thể góp phần giải quyết vấn đề lớn của xã hội, đóng vai trò thúc đẩy sự thay đổi tích cực cho cộng động và cho chính DN.

Trên thực tế, đã có nhiều DN tiến dần từng cấp độ theo thời gian. Giai đoạn đầu, DN hỗ trợ tiền và hàng để cứu trợ thiên tai (từ thiện khẩn cấp), sau đó chuyển dần sang hỗ trợ chương trình dài hạn hơn như hỗ trợ cộng đồng xây nhà kiên cố để phòng ngừa, ứng phó thiên tai thay vì cứu trợ (từ thiện mang tính chiến lược). Ở cấp độ cao hơn, DN chuyển sang hỗ trợ những dự án, những chương trình lớn, trong đó áp dụng công nghệ cảnh báo sớm, nhằm tăng khả năng phòng ngừa, ứng phó để giảm thiểu rủi ro thiên tai. Hoạt động này được đánh giá là hỗ trợ từ thiện mang lại sự thay đổi. Nhiều DN thường coi việc làm từ thiện là trách nhiệm xã hội thường xuyên, đồng thời là hoạt động giúp họ xây dựng hình ảnh tích cực, củng cố mối quan hệ với khách hàng và tạo cơ hội cho DN tiếp cận với cộng đồng và chính quyền địa phương nơi DN hoạt động hay cung cấp dịch vụ, hàng hóa.

Tạo niềm tin để DN đầu tư vào các chương trình từ thiện dài hạn

Mặc dù được đánh giá cao về ý nghĩa thiết thực từ hoạt động từ thiện của cộng đồng xã hội, song vẫn có nhiều ý kiến đặt ra xung quanh hoạt động này. Nhiều đơn vị cho rằng, ngoài cứu trợ khẩn cấp, việc làm từ thiện (nhất là

của DN) nên tập trung bài bản hơn để góp phần xóa nghèo bền vững, thay vì năm nào cũng đi làm từ thiện bằng hình thức trao quà. Tuy nhiên, cũng có nhà hảo tâm khác lại cho rằng, để hướng tới bền vững, người dân ở vùng nghèo phải có cái ăn, cái mặc, ổn định nhu cầu trước mắt, nghĩa là phải "có bột mới gột nên hồ". Theo các nhà hoạt động xã hội, khi làm từ thiện nên xem xét điều kiện cụ thể để "vừa trao cá - vừa tặng cần câu". Riêng với DN, bằng nguồn lực đa dạng, thực hiện theo hướng "vừa trao cá, vừa tặng cần câu và chỉ cho cộng đồng cách câu cá" thì sẽ mang lại hiệu quả bền vững.

Thực tế cho thấy, các DN Việt Nam, nhất là DN nhỏ và vừa, mặc dù rất tích cực tham gia từ thiện, nhưng đa số chưa có kế hoạch cụ thể để hỗ trợ cộng đồng một cách hiệu quả hơn; vẫn còn ít DN tham gia các chương trình dài hạn, góp phần giải quyết những vấn đề về môi trường và xã hội. Theo kiến trúc sư Trần Hữu Thọ - Giám đốc thiết kế Gia Mỹ Studio, các nguồn lực của DN và của xã hội còn rất nhiều, nhưng để nguồn lực ấy được kết nối và trở thành hiện thực, phải có 4 bên tham gia gồm: Nhà nước, cộng đồng, DN và các TCXH.

Đồng quan điểm phải có "4 bên" mà ông Thọ đưa ra, ông Nguyễn Diễn - Phó Giám đốc VCCI Đà Nẵng nhấn mạnh, mắt xích để kết nối nguồn lực chính là các nhóm trung gian: đầu tiên là hiệp hội DN; thứ hai là các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; thứ ba là lập DN xã hội để kinh doanh, nhưng trên 50% lợi nhuận phải đầu tư trở lại cho hoạt động xã hội. Thực tế, nhiều DN sẵn sàng ủng hộ làm từ thiện mang lại lợi ích lâu dài, tuy nhiên, DN chỉ thực sự yên tâm khi tìm được những người tin tưởng, tâm huyết, có năng lực để quản lý đồng tiền của họ. Việc làm đó phải được bàn thảo một cách công khai, dân chủ, minh bạch trong cộng đồng.

Phải công khai minh bạch và ưu đãi thuế cho các khoản đầu tư từ thiện

Nhìn chung, hiện nay các văn bản pháp luật và các chính sách liên quan đều có tính khuyến khích cao đối với DN làm từ thiện và hoạt động vì mục đích cộng đồng. Tuy nhiên, các khuyến khích còn nằm rải rác ở nhiều văn bản luật, nghị định, thông tư hướng dẫn, lại thường xuyên thay đổi nên rất khó nắm bắt và thực hiện. Hơn nữa, các văn bản luật vẫn được xây dựng theo cách tiếp cận cũ, không thể theo kịp sự phong phú, đa dạng của thực tiễn.

Các khoản thu cho các đối tượng chính sách, tài trợ cho các nghiên cứu khoa học chưa được hướng dẫn cụ thể. Sự hiểu biết của DN về các chính sách ưu đãi của Nhà nước liên quan đến từ thiện DN là rất hạn chế, các thủ tục pháp lý còn rườm rà, phức tạp, chính điều này đã gây tâm lý e ngại cho DN khi thực hiện các hoạt động từ thiện. Mặt khác, khi DN đầu tư vào các hoạt động y tế, giáo dục, xóa đói giảm nghèo thì khoản đầu tư đó phải được coi là một chi phí hợp lý của DN để khấu trừ vào thuế.

(Xem tiếp trang 30)

CHUNG TAY KIỂM TOÁN MÔI TRƯỜNG VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

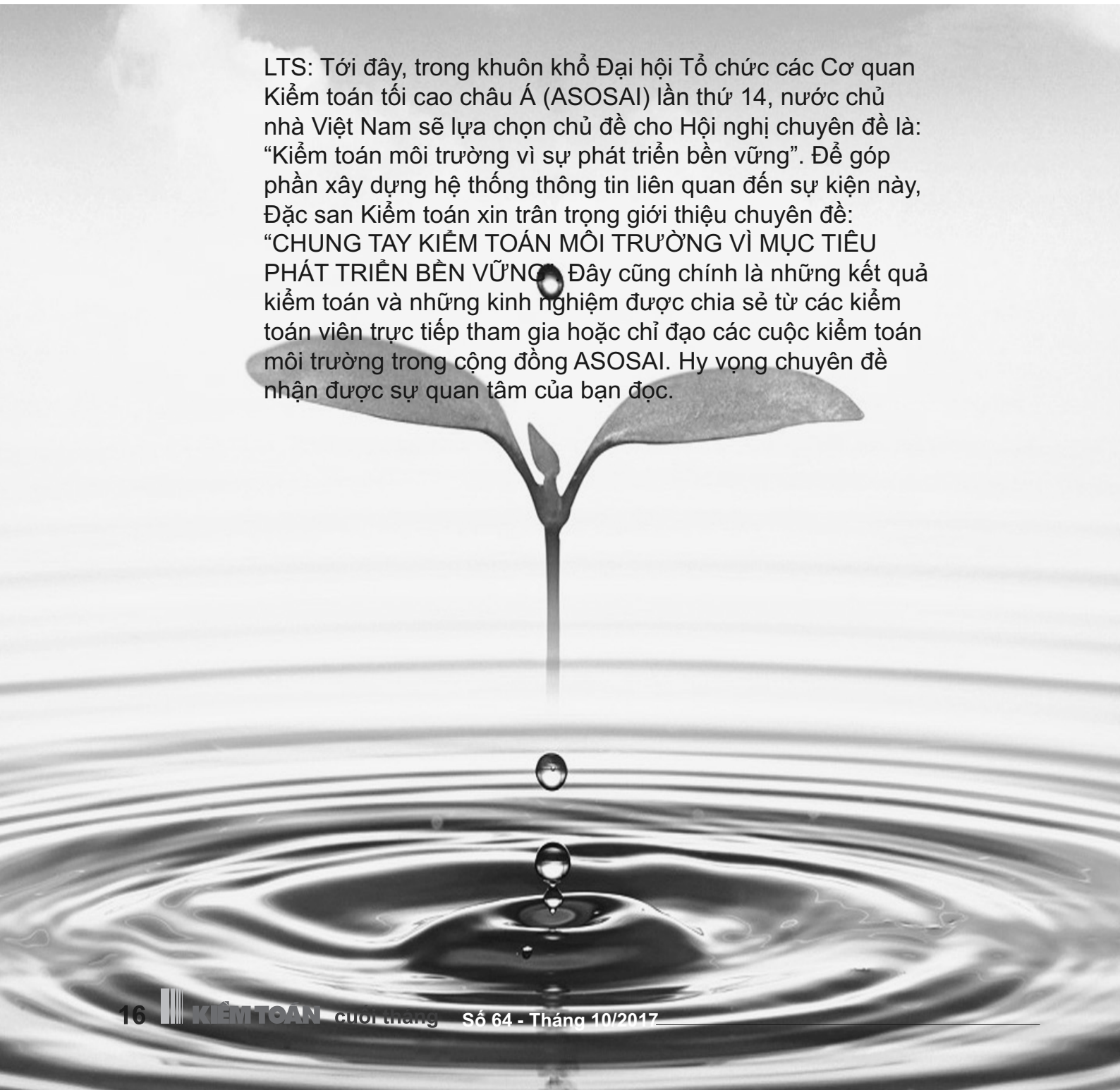

LTS: Tới đây, trong khuôn khổ Đại hội Tổ chức các Cơ quan Kiểm toán tối cao châu Á (ASOSAI) lần thứ 14, nước chủ nhà Việt Nam sẽ lựa chọn chủ đề cho Hội nghị chuyên đề là: "Kiểm toán môi trường vì sự phát triển bền vững". Để góp phần xây dựng hệ thống thông tin liên quan đến sự kiện này, Đặc san Kiểm toán xin trân trọng giới thiệu chuyên đề: "CHUNG TAY KIỂM TOÁN MÔI TRƯỜNG VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG". Đây cũng chính là những kết quả kiểm toán và những kinh nghiệm được chia sẻ từ các kiểm toán viên trực tiếp tham gia hoặc chỉ đạo các cuộc kiểm toán môi trường trong cộng đồng ASOSAI. Hy vọng chuyên đề nhận được sự quan tâm của bạn đọc.

Cân bằng ba trụ cột: phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và phúc lợi xã hội

Ông BLUCER WELINGTON RAJAGUKGUK - Trưởng Dự án kiểm toán đất đai và khoáng sản, Ủy ban Kiểm toán Indonesia trả lời phỏng vấn của Đặc san Kiểm toán

Thưa ông, "Kiểm toán môi trường vì sự phát triển bền vững" sẽ là chủ đề của Hội nghị chuyên đề lần thứ 7 tại Đại hội Tổ chức các Cơ quan Kiểm toán tối cao châu Á (ASOSAI) lần thứ 14. Ông đánh giá thế nào về chủ đề được lựa chọn lần này?

Tôi cho rằng, sự lựa chọn chủ đề cho Hội nghị chuyên đề lần thứ 7 của KTNN Việt Nam tại Đại hội ASOSAI 14 là hoàn toàn phù hợp với sự phát triển chung của khu vực kiểm toán công hiện tại. Vấn đề quan trọng là làm sao chúng ta có thể đào sâu hơn nữa về chủ đề này. Theo Mục tiêu phát triển bền vững (SDG), phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và đảm bảo phúc lợi xã hội cho người dân là ba trụ cột lớn trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia. Việc cân bằng giữa ba trụ cột này luôn là vấn đề mấu chốt. Chúng ta không thể hy sinh môi trường để đổi lấy tăng trưởng. Tuy nhiên trên thực tế, với các quốc gia ở châu Á và châu Phi, tăng trưởng kinh tế lại đang là yêu cầu cấp thiết nên họ sẽ mong muốn phát triển kinh tế hơn bảo vệ môi trường. Bởi vậy khi kiểm toán, chúng ta phải xem xét, đánh giá hệ thống chỉ tiêu tại các quốc gia này có đạt được SDG hay không. Tôi nghĩ, đây là những vấn đề mà Hội nghị chuyên đề lần thứ 7 tới nên tập trung.

Hiện nay, nhiều vấn đề về môi trường như biến đổi khí hậu, phá rừng, khai thác cạn kiệt tài nguyên và những vấn đề ô nhiễm khác đều xuất phát từ sự mất cân bằng giữa ba trụ cột, gồm: phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và đảm bảo phúc lợi xã hội cho người dân. Hầu hết, các hoạt động kinh tế đều sử dụng tài nguyên thiên nhiên làm nguyên liệu thô như: gỗ cho lĩnh vực xây dựng, than đá cho lĩnh vực dầu khí, động thực vật trong rừng cho ngành y tế và thủ công mỹ nghệ… Việc sử dụng các tài nguyên thiên nhiên này cũng gây ra những tác động xấu tới môi trường, từ đó sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế và phúc lợi của người dân. Hơn nữa, những tác động đó không chỉ sẽ ảnh hưởng đến thế hệ ngày nay mà với cả những thế hệ mai sau. Do vậy, việc cân bằng trong phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và phúc lợi xã hội cho người dân cần phải được duy trì liên tục để đảm bảo các mục tiêu phát triển bền vững cũng như giảm nhẹ những tác động xấu có thể xảy ra.

Thời gian qua, Ủy ban Kiểm toán Indonesia (BPK) đã tiến hành kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài nguyên đất đai và khoáng sản, mục tiêu cốt yếu cũng là để cân bằng được ba trụ cột nói trên.

Xin ông chia sẻ một số thông tin cụ thể hơn về các cuộc kiểm toán này?

Ở Indonesia, khi kiểm toán tài nguyên đất đai và khoáng sản, chúng tôi chú trọng vào hai loại hình kiểm toán chính là kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán tuân thủ.

Về kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi xem xét các khoản mà công ty nhà nước phải trả cho Chính phủ khi có những hoạt động liên quan đến việc khai thác và sử dụng tài nguyên đất đai, khoáng sản. Cụ thể là chúng tôi sẽ tập trung vào một số nội dung trọng tâm, chẳng hạn, số tiền và thời điểm trả tiền của công ty đó có được thực hiện đúng như quy định hay không. Nếu trả muộn, chúng tôi sẽ có kiến nghị về những khoản tiền phạt.

Về kiểm toán tuân thủ, chúng tôi đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, pháp lý đối với việc quản lý và sử dụng tài nguyên đất đai, khoáng sản của các công ty này.

Một trong những nội dung quan trọng của các quy định về bảo vệ môi trường là việc các công ty phải trả một khoản phí để cải tạo đất đai sau quá trình khai thác, sử dụng mỏ. Khoản phí này rất quan trọng,

bởi quá trình khai thác mỏ sẽ gây ra những tác động về môi trường, đặc biệt là đối với rừng phòng hộ. Thực tế, theo quy định của pháp luật, rừng phòng hộ là nơi cấm khai thác. Bởi vậy, kiểm toán viên phải tìm hiểu và rất khó để nhìn thấy những bằng chứng bằng mắt thường. Nhưng đấy là yêu cầu buộc kiểm toán viên phải phát hiện ra. Ở một khía cạnh khác, kiểm toán cũng phải tìm ra các ảnh hưởng, các tác động xấu của việc khai thác tài nguyên thiên nhiên đối với chất lượng nguồn nước, không khí và đất đai.

Kết quả của những cuộc kiểm toán này tác động như thế nào đến vấn đề thay đổi chính sách cũng như trong đời sống kinh tế, xã hội ở Indonesia, thưa ông?

Các cuộc kiểm toán tài nguyên đất đai và khoáng sản mà BPK thực hiện tác động trên 2 khía cạnh chính:

Một là làm tăng các nguồn thu cho Chính phủ. Điều này sẽ tác động đến cộng đồng khi các nguồn thu của Chính phủ tăng lên, xã hội sẽ có thêm nhiều dự toán để sử dụng cho các chương trình khác nhau.

Hai là xã hội và người dân sẽ có môi trường sống trong sạch và an toàn hơn, bởi các công ty, DN được kiểm toán đều biết rằng, BPK sẽ tới kiểm tra, đánh giá các hoạt động của họ theo luật định. Điều này cũng giống như việc chúng ta vào siêu thị, sẽ có hệ thống camera giám sát. Cho nên, người mua hàng sẽ không thể trộm cắp.

Ở đây tôi muốn nhấn mạnh, các cuộc kiểm toán này sẽ không tác động, ảnh hưởng ngay tức khắc mà nó cần thời gian để kiểm chứng. Tuy nhiên, tôi cho rằng, có làm sẽ tốt hơn không, vì ít nhất sau những kiến nghị kiểm toán mà chúng tôi đưa ra, các đơn vị được kiểm toán sẽ phải có những động thái khắc phục, sửa chữa. Chẳng hạn, sau khi BPK kiểm toán, một công ty đã phải trả 1 triệu USD cho Chính phủ vì những vi phạm của họ trong quản lý, khai tác tài nguyên khoáng sản. Việc trả tiền này là vì công ty đó muốn tránh những điều không tốt về danh tiếng, cũng như việc họ sẽ bị đưa vào "danh sách đen". Khi đó, họ không thể làm ăn cũng như không thể "chơi" được với ai.

Vậy Chính phủ Indonesia nói chung và BPK nói riêng đã có những giải pháp như thế nào cho vấn đề khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững?

Chính phủ Indonesia nói chung và BPK nói riêng đã có hệ thống và cơ chế riêng nhằm thúc đẩy sự phát triển của môi trường sinh thái cũng như việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững. Những cơ chế này được kỳ vọng không chỉ thúc đẩy lợi ích của việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và môi trường vì sự phát triển của quốc gia mà còn giúp giảm nhẹ rủi ro của việc gia tăng hành vi tàn phá môi trường. Bên cạnh đó, Chính phủ Indonesia cũng ký kết nhiều thỏa thuận đa phương về môi trường cùng nhiều chính sách và các quy định có liên quan đến SDG, làm nền tảng cho việc quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững.

Ở cấp quốc gia, thông qua công tác kiểm toán môi trường, các SAI có thể xem xét các tiêu chí của SDG, bao gồm tính tuân thủ các quy định và chính sách để hướng tới phát triển bền vững, góp phần cải thiện chất lượng tăng trưởng.

Ở cấp khu vực và toàn cầu, các SAI có thể góp phần thúc đẩy mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc phối hợp với nhau cũng như với các tổ chức quốc tế khác nhằm tăng cường năng lực cho hoạt động kiểm toán môi trường, từ đó cải thiện tính bền vững của công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên trong mỗi quốc gia.

Hy vọng rằng, thông qua việc sửa đổi các cơ chế, quy định hiện hành, chúng ta sẽ thực hiện được mục tiêu cân bằng ba trụ cột: phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và phúc lợi xã hội.■

Xin chân thành cảm ơn ông!

XUÂN HỒNG ***(thực hiện)***

Kiểm toán môi trường - một nội dung quan trọng trong chiến lược văn minh sinh thái của Trung Quốc

Ông LIU JIAYI - Chủ tịch Ban Điều hành INTOSAI, Trưởng Nhóm công tác về KTMT của ASOSAI, Tổng KTNN Trung Quốc

Từ thập niên 1980, Chính phủ Trung Quốc đã coi công tác bảo vệ môi trường là một trong những chính sách quan trọng và căn bản; đến những năm 1990, vấn đề phát triển bền vững được xác định như một chiến lược quốc gia. Cùng với kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa, việc xây dựng văn minh sinh thái trở thành một trong năm trụ cột quan trọng trong sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.

Tháng 3/2016, tại Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ 13, Trung Quốc đưa ra 10 mục về vấn đề tài nguyên và môi trường, tất cả đều là yêu cầu bắt buộc thực hiện. Hiện nay, KTNN Trung Quốc (CNAO) đang đẩy mạnh lĩnh vực kiểm toán môi trường (KTMT), tập trung vào các mục tiêu và nhiệm vụ chính mà Kế hoạch trên đề ra.

Xây dựng khung pháp lý quy định nhiệm vụ KTMT cho tất cả các đơn vị kiểm toán

Cho đến nay, CNAO đã thành lập nhiều đơn vị KTMT chuyên ngành, thu hút hơn 200 nhân viên chính thức, tập trung vào công tác đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ kiểm toán viên môi trường. Luật Kiểm toán và các bộ luật, quy định khác của Trung Quốc cũng đã quy định một loạt nhiệm vụ cho KTMT và ủy thác nhiều quyền hạn cho các cơ quan kiểm toán, bao gồm cả các biện pháp xử phạt, cưỡng chế hành chính. Bên cạnh đó, CNAO còn tích cực thúc đẩy hệ thống pháp luật về KTMT bằng nhiều cách. Chẳng hạn năm 2009, CNAO xây dựng các Quan điểm về tăng cường KTMT, trong đó đưa ra các nguyên tắc, nhiệm vụ chính và mục tiêu phát triển cho KTMT. Năm 2014, Hội đồng Nhà nước chính thức ban hành Quan điểm về tăng cường kiểm toán, đặt ra nhiều yêu cầu cụ thể cho KTMT, như: tăng cường kiểm toán tài nguyên thiên nhiên bao gồm đất đai và khoáng sản, kiểm soát ô nhiễm không khí, nước và chất thải rắn, kiểm toán trách nhiệm giải trình về tài sản và tài nguyên thiên nhiên, chú ý đến những điểm yếu và những nguy cơ tiềm ẩn trong vấn đề năng lượng, nguồn lực và bảo vệ môi trường... Năm 2015, CNAO ban hành Chỉ dẫn về KTMT, Dự thảo Chỉ dẫn về kiểm toán đất đai và đã bắt đầu chuẩn bị xây dựng Chỉ dẫn về kiểm toán khoáng sản…

Với mục tiêu bao quát tất cả các vấn đề về môi trường, gắn chặt với kiểm toán tài chính, đầu tư, ngân hàng, DN, vốn nước ngoài và trách

nhiệm giải trình, CNAO đã tích cực xây dựng khung tổng thể cho KTMT. Năm 2003, CNAO thành lập một nhóm điều phối chính về KTMT và bắt buộc các cơ quan kiểm toán ở tất cả các cấp chú trọng đến các vấn đề bảo vệ môi trường khi tiến hành kiểm toán chuyên ngành. Khung tích hợp CNAO xây dựng cho phép thực hiện các cuộc kiểm toán chuyên ngành có tính đến khía cạnh môi trường. Các phòng kiểm toán của CNAO đều đưa KTMT vào trong kế hoạch của đơn vị như một nội dung quan trọng. Đặc biệt các cuộc kiểm toán thực tế về việc thực hiện chính sách trong hai năm qua đã chú ý đến vấn đề bảo tồn năng lượng và nước, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường tại các dự án lớn. Tất cả các phòng kiểm toán của CNAO sẽ phân tích kết quả KTMT hàng năm, sau đó đệ trình báo cáo lên nhóm điều phối chính về KTMT để tổng hợp.

Tập trung KTMT trên nhiều lĩnh vực

Thông qua KTMT, CNAO đã tích cực đóng góp cho công tác lập kế hoạch quốc gia về xây dựng văn minh sinh thái, tập trung vào "phát triển tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm, phục hồi sinh thái và xác định trách nhiệm giải trình".

Trong giai đoạn 2008-2015, CNAO đã tổ chức 21 cuộc KTMT trong các lĩnh vực tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản, kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, bảo tồn năng lượng và quỹ lâm nghiệp đặc biệt... CNAO đã gửi hơn 200 báo cáo kiểm toán tới Hội đồng Nhà nước, chính quyền các cấp và các đơn vị liên quan. Kết quả kiểm toán cho thấy, KTMT đã đóng một vai trò tích cực trong việc ngăn ngừa ô nhiễm môi trường và phá huỷ tài nguyên cũng như thúc đẩy sử dụng các nguồn lực một cách kinh tế, hiệu quả.

Theo Kế hoạch tổng thể của Hội đồng Nhà nước, CNAO đã tổ chức kiểm toán trên toàn quốc về thanh toán chuyển nhượng đất đai và bảo vệ đất canh tác vào năm 2014, với sự tham gia của 24.000 kiểm toán viên từ 29 tỉnh, thành phố và vùng tự trị. Cuộc kiểm toán được ví như "cuộc kiểm tra y tế toàn diện" đối với công tác kiểm kê đất đai của Trung Quốc. Mục tiêu của cuộc kiểm toán này là nhằm đảm bảo tối thiểu cho 1,2 triệu km^2 diện tích đất canh tác được sử dụng hiệu quả và thúc đẩy phát triển nền kinh tế lành mạnh. Kết quả kiểm toán đã chỉ ra nhiều vấn đề trong việc sử dụng đất xây dựng bất hợp pháp, đất nhàn rỗi, chiếm dụng đất nông nghiệp và suy thoái đất canh tác... Hội đồng Nhà nước đã tổ chức một cuộc họp điều hành để thực hiện theo báo cáo, đồng thời kêu gọi các ban, ngành liên quan và chính quyền địa phương tích cực thực hiện các biện pháp khắc phục.

Các cuộc kiểm toán về phòng chống ô nhiễm nguồn nước của CNAO đã được tiến hành ở những lưu vực sông và vùng biển chính từ năm 2003. Các khuyến nghị kiểm toán được thông qua trong kế hoạch phòng chống ô nhiễm nguồn nước do các phòng bảo vệ môi trường xây dựng. CNAO cũng đã tổ chức 4 cuộc kiểm toán về bảo tồn năng lượng và giảm phát thải. Cùng với đó là các cuộc kiểm toán về công nghệ sinh thái như: kiểm toán các dự án chuyển đổi đất nông nghiệp thành rừng, kiểm toán rừng tự nhiên và kiểm toán việc kiểm soát bão cát ở Bắc Kinh và Thiên Tân… Các cuộc kiểm toán này đã phản ánh những khó khăn trong việc thực hiện chính sách và nhận được sự quan tâm của các cơ quan có thẩm quyền.

Việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo có trách nhiệm về vấn đề môi trường luôn là mối quan tâm lớn trong các cuộc KTMT tại Trung Quốc. Đặc biệt, sau phiên họp toàn thể lần thứ 3 của Uỷ ban Trung ương Đảng lần thứ 18, chủ đề "Kiểm toán trách nhiệm giải trình về tài sản và tài nguyên thiên nhiên của cán bộ lãnh đạo" đã được đưa ra. Năm 2015, CNAO đã tổ chức các dự án thí điểm về tài sản và tài nguyên thiên nhiên, tập trung trả lời câu hỏi "kiểm toán gì, kiểm toán như thế nào và xác định trách nhiệm". Những cuộc kiểm toán này đã thu được nhiều kinh nghiệm về kiểm toán đất, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng, tài nguyên nước, phòng chống ô nhiễm không khí.

Tham gia vào các hoạt động quốc tế về KTMT

Tham gia vào các hoạt động quốc tế về KTMT được xem là nhiệm vụ chung của tất cả các quốc gia trên thế giới nhằm thúc đẩy hệ thống quản trị tốt lên, tiến tới mục tiêu phát triển bền vững cho kinh tế, xã hội và môi trường, đồng thời nâng cao phúc lợi cho người dân. CNAO đã tích cực tham gia vào các hoạt động KTMT quốc tế, cùng với các SAI khác đóng góp vào việc giải quyết những vấn đề về phát triển bền vững và thân thiện với môi trường.

Trong vai trò Chủ tịch Nhóm công tác về KTMT của Tổ chức các Cơ quan Kiểm toán tối cao châu Á (ASOSAI), CNAO đã chủ trì tổ chức 5 hội thảo chuyên đề về KTMT (3 hội thảo tại

(Xem tiếp trang 24)

Vai trò quan trọng của kiểm toán môi trường trong việc thực hiện các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững

Ông CHIEW KOH CHON - Chủ tịch Ủy ban Chia sẻ kiến thức, KTNN Malaysia

Với mục tiêu thúc đẩy việc chia sẻ kiến thức về hoạt động kiểm toán, các quốc gia thành viên của Tổ chức các Cơ quan Kiểm toán tối cao Đông Nam Á (ASEANSAI) đã thực hiện trao đổi sáng kiến, thành tựu nghiên cứu và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực kiểm toán công, đặc biệt là lĩnh vực kiểm toán đất đai và tài nguyên khoáng sản.

Hiện nay, rất nhiều quốc gia đang đối mặt với những thách thức về bảo vệ môi trường do khai thác không phù hợp và thiếu bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên như tài nguyên rừng, khoáng sản. Điều này dẫn đến sự suy thoái môi trường nghiêm trọng, thiệt hại về kinh tế và gây chia rẽ trong xã hội. Cụ thể là sự suy thoái đất đai, suy giảm hệ sinh thái, sa mạc hóa và xói mòn đất, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, không khí, khí quyển và hiện tượng nóng lên toàn cầu. Vì thế, việc áp dụng các phương pháp quản lý và giám sát hiệu quả từ Chính phủ là điều rất quan trọng. Thông qua việc kiểm toán dự án khai khoáng, các SAI có thể đánh giá mức độ đạt được của các mục tiêu và yêu cầu về quản lý môi trường nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực trong phát triển đất đai và tài nguyên khoáng sản.

Về vấn đề này, nhóm kiểm toán môi trường của Tổ chức quốc tế các Cơ quan Kiểm toán tối cao (INTOSAI WGEA) đã đưa ra những chỉ dẫn về hoạt động kiểm toán đất đai và tài nguyên khoáng sản cho các SAI. Trong đó, kiểm toán tài nguyên khoáng sản, hướng dẫn về kiểm toán khai thác mỏ đã được ban hành năm 2010; kiểm toán việc sử dụng và quản lý đất đai và tài nguyên khoáng sản, hướng dẫn về các hoạt động sử dụng và quản lý đất đai trong lĩnh vực môi trường đã được ban hành năm 2013. Mục tiêu chính của những hướng dẫn trên là để hỗ trợ các SAI trong việc kiểm toán các hoạt động liên quan đến đất đai và tài nguyên khoáng sản, cung cấp cho kiểm toán viên những thông tin và câu hỏi cốt lõi để thực hiện kiểm toán trong lĩnh vực này.

Trong Mục tiêu phát triển bền vững (SDG), mục tiêu số 15 yêu cầu: quản lý rừng bền vững, chống lại sa mạc hóa, chấm dứt và đảo ngược quá trình suy thoái đất đai, chấm dứt sự suy giảm đa dạng sinh học. Ví dụ, một trong số 12 chỉ tiêu trong mục tiêu số 15 là: đến năm 2020, chúng ta sẽ thúc đẩy việc thực hiện quản lý bền vững tất cả các loại rừng, kết thúc nạn sa mạc hóa, trồng lại rừng đã mất, tăng diện tích trồng trừng và tái tạo rừng. Điều này đã cho thấy mức độ quan trọng của các vấn đề liên quan đến môi trường, nhất là việc sử dụng và quản lý đất đai. Bên cạnh đó, ISSAI 5130 cũng phác thảo vai trò của các SAI trong nỗ lực của mỗi quốc gia đối với quá trình hướng tới phát triển bền vững. Nhiệm vụ của các SAI là thông qua hoạt động kiểm toán để đảm bảo trách nhiệm công dân, từ đó thiết lập khuôn khổ không thể thiếu trong thực hiện các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững.

Nhận thức trên khiến cho vấn đề hỗ trợ các SAI trong kế hoạch thực hiện các tiêu chí và mục tiêu thiết lập kế hoạch 2030 của Liên Hợp Quốc về phát triển bền vững càng trở nên cần thiết. Hy vọng, việc thực hiện kiểm toán song song/ phối hợp trong các lĩnh vực liên quan đến đất đai và tài nguyên khoáng sản sẽ giúp các quốc gia thành viên ASEANSAI củng cố thêm năng lực kiểm toán đối với lĩnh vực này.■

X. HỒNG *(ghi)*

Nhiều sai phạm trong hoạt động quản lý và xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Khánh Phú, tỉnh Ninh Bình

TS. LÊ DOÃN HOÀI
Kiểm toán Nhà nước

Năm 2017 là năm thứ hai KTNN tiến hành các cuộc kiểm toán liên quan đến hoạt động quản lý và xử lý nước thải công nghiệp tại khu công nghiệp (KCN). Đơn vị được kiểm toán lần này là KCN Khánh Phú, tỉnh Ninh Bình. Đây là KCN được thành lập vào năm 2004. Đến thời điểm kiểm toán, KCN đã có 37 dự án đăng ký, trong đó có 21 dự án chính thức đi vào hoạt động với các ngành nghề tương đối đa dạng và có nguy cơ ô nhiễm cao như: sản xuất phân bón, may mặc, luyện kim,... Hiện, KCN Khánh Phú đang được Ban quản lý các KCN tỉnh Ninh Bình; Sở Tài nguyên & Môi trường (TNMT) tỉnh Ninh Bình; Công ty Phát triển hạ tầng KCN Ninh Bình; Công ty Xây dựng và Thương mại Thành Nam thực hiện công tác quản lý và xử lý nước thải.

Thực tế hiện nay, lượng nước thải công nghiệp từ các nhà máy, DN trong KCN thải ra môi trường hàng ngày là khá lớn (lưu lượng xả thải thực tế khoảng 5.000m^3/ngày đêm). Do đó, các hoạt động quản lý và xử lý nước thải ở đây rất cần được kiểm toán nhằm phát hiện những bất cập, hạn chế, vi phạm trong quản lý bảo vệ môi trường (BVMT), qua đó kiến nghị các giải pháp để công tác này nâng cao tính hiệu lực, góp phần ngăn ngừa, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm nguồn nước tại KCN Khánh Phú nói riêng và trên địa bàn tỉnh Ninh Bình nói chung.

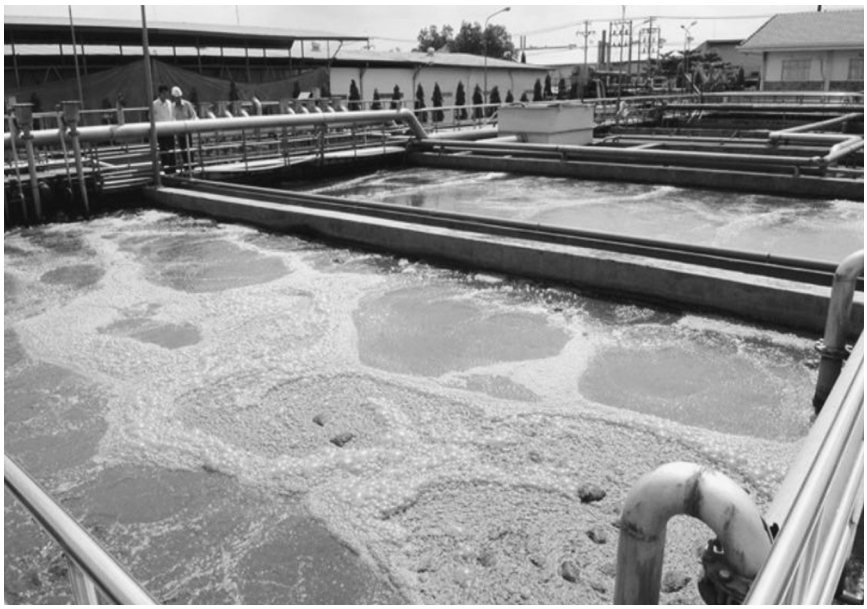

Sau quá trình kiểm toán đối với KCN Khánh Phú, Đoàn kiểm toán của KTNN đã phát hiện nhiều vấn đề bất cập và hạn chế trong vấn đề quản lý và xử lý nước thải tại KCN này. Đó là:

Công tác quản lý về nước thải công nghiệp còn sai sót và thiếu hiệu quả

Theo đánh giá của KTNN, trong giai đoạn 2015 - 2016, Sở TNMT và Ban quản lý KCN đã có nhiều nỗ lực, cố gắng để thực hiện các chức năng quản lý nhà nước trong quản lý môi trường KCN cũng như vấn đề nước thải công nghiệp, tuy nhiên, các biện pháp thực hiện còn chưa đồng bộ, chưa khoa học và quyết liệt; công tác kiểm tra giám sát, quan trắc thiếu chặt chẽ, chưa kịp thời phát hiện và ngăn ngừa triệt để trước các hành vi vi phạm về BVMT; công tác ban hành văn bản vẫn còn một số sai sót.

Trong khi Nhà máy Xử lý nước thải (XLNT) tập trung

Thành Nam chưa được cấp giấy phép xả thải, Sở TNMT tỉnh Ninh Bình đã cấp phép cho các DN hoạt động trong KCN Khánh Phú tiến hành xả thải vào nhà máy này. Hành động trên vừa thể hiện việc quản lý, giám sát xả thải ra môi trường không hiệu quả, vừa cho thấy công tác thẩm định hồ sơ cấp giấy phép xả thải còn sơ sài, không chặt chẽ và đầy đủ.

Bên cạnh đó, công tác thẩm định, cấp phép các hồ sơ môi trường của Sở TNMT tỉnh Ninh Bình, Ban quản lý KCN còn một số hạn chế, làm giảm hiệu quả trong khâu kiểm tra, giám sát. Về nguyên tắc, đây là công tác cần được chú trọng ngay từ ban đầu để đảm bảo an toàn về môi trường trong giai đoạn thi công và giai đoạn vận hành của dự án. Thực tế, công tác kiểm tra, giám sát của Sở TNMT cũng như Ban quản lý KCN chưa phát huy hiệu quả, hiệu lực, chưa ngăn ngừa được các vi phạm về xử lý nước thải KCN.

Công tác quan trắc định kỳ và việc quản lý, sử dụng dữ liệu quan trắc tự động từ Nhà máy XLNT tập trung của Sở TNMT cũng tồn tại nhiều bất cập, làm giảm tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với nước thải công nghiệp tại KCN Khánh Phú nói riêng và trên địa bàn tỉnh Ninh Bình nói chung.

Chất lượng nước thải KCN vượt ngưỡng quy định, gây ô nhiễm

Kết quả kiểm toán cho thấy, Nhà máy XLNT tập trung Thành Nam hoạt động trong một thời gian dài nhưng không có giấy phép xả thải, vi phạm quy định về Luật Bảo vệ môi trường (BVMT); chất lượng nước thải ra môi trường không ổn định, có nhiều thời điểm vượt ngưỡng so với quy định; việc vận hành Trạm quan trắc tự động không liên tục, công tác quan trắc định kỳ chưa đảm bảo quy định và chất lượng.

Trong việc quản lý bùn thải phát sinh từ nhà máy XLNT tập trung, Công ty Thành Nam thực hiện chưa đảm bảo đầy đủ và chưa đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại, đặc biệt là thời điểm trước tháng 12/2016, dẫn đến nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất.

Kết quả quan trắc các mẫu nước cho thấy, chất lượng nước mặt của 02 điểm lấy mẫu có hiện tượng ô nhiễm. Qua phỏng vấn, 29 hộ dân ở thôn Phú Hào, xã Khánh Phú đã phản ánh nước thải của KCN có ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống người dân. Cũng đã nhiều lần, người dân kiến nghị lên cơ quan quản lý về tình trạng ô nhiễm và được các cơ quan tiến hành xử lý nhưng vấn đề vẫn chưa giải quyết triệt để. Chính quyền xã Khánh Phú và người dân thôn Phú Hào yêu cầu phải nạo vét, khơi thông kênh điều hòa, không để tình trạng nước ứ đọng và bèo phủ kín.

Kết quả kiểm toán cũng chỉ rõ, Công ty Phát triển hạ tầng chưa thực hiện đúng quy định BVMT cho KCN, như: chưa duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom và thoát nước, chưa thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ; vai trò của Công ty trong việc BVMT còn hạn chế so với chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định về BVMT KCN.

Kiến nghị của KTNN

Trên cơ sở các phát hiện kiểm toán nói trên, KTNN đã đưa ra nhiều kiến nghị đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng như các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh Ninh Bình, cụ thể là:

Bộ Tài nguyên và Môi trường cần tăng cường rà soát hoạt động của các đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, có biện pháp xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động quan trắc ngoài phạm vi được cấp phép hoặc chưa được cấp phép. Tăng cường rà soát, kiểm tra các đơn vị chưa được cấp giấy phép xả thải, xác nhận hoàn thành công trình BVMT thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ, không để xảy ra tình trạng các đơn vị hoạt động trong thời gian dài mà không có đầy đủ hồ sơ môi trường như Công ty Thành Nam và Công ty Phát triển hạ tầng.

UBND tỉnh Ninh Bình cần chỉ đạo thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, chấn chỉnh và tăng cường năng lực hoạt động quan trắc môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường (về máy móc thiết bị, nhân lực, trách nhiệm) bao gồm cả hoạt động quan trắc định kỳ và kiểm tra, giám sát, tiếp nhận kết quả quan trắc tự động liên tục để phục vụ một cách thực chất, hiệu quả cho công tác giám sát môi trường;

Thứ hai, giao các đơn vị chức năng nghiên cứu, đề xuất để sửa đổi, bổ sung mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Công ty Phát triển hạ tầng KCN Ninh Bình với vai trò là chủ đầu tư KCN, nhằm tăng cường năng lực, trách nhiệm và tính chủ động của đơn vị, phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý môi trường KCN. Phân định rõ trách nhiệm giữa Ban quản lý KCN và Công ty Phát triển hạ tầng trong quản lý môi trường KCN.

Thứ ba, chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý KCN

và cơ quan liên quan phối hợp xử lý các DN/chủ đầu tư vi phạm quy định về BVMT, Luật Tài nguyên nước (không thực hiện đấu nối, xả thải vượt ngưỡng, khai thác nước không có giấy phép...)

Thứ tư, đảm bảo kinh phí sự nghiệp môi trường cho Ban quản lý KCN, Công ty Phát triển hạ tầng để các đơn vị này có đủ điều kiện triển khai thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng, đảm bảo vệ sinh môi trường KCN nói chung và nước thải KCN Khánh Phú nói riêng.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình cần chấn chỉnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật BVMT nước thải công nghiệp trong cả 3 khâu (lập kế hoạch kiểm tra, thực hiện kiểm tra và theo dõi việc thực hiện kiến nghị sau kiểm tra); tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin về kế hoạch kiểm tra, kết quả kiểm tra giám sát giữa các đơn vị trực thuộc cũng như phối hợp với Ban quản lý KCN; chấn chỉnh và nâng cao chất lượng thẩm định các hồ sơ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường cũng cần báo cáo kịp thời kết quả quan trắc định kỳ; phân công bộ phận theo dõi có năng lực, có trang thiết bị để tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động của các KCN, đồng thời phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát, đặc biệt là với Trạm quan trắc tự động của Công ty Thành Nam và các công ty không đấu nối, xả trực tiếp ra môi trường như Nhà máy Đạm Ninh Bình; có biện pháp chấn chỉnh công tác quan trắc định kỳ của Công ty Thành Nam; tăng cường phối hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu cho Ban quản lý KCN về hoạt động quan trắc.

Ban quản lý các KCN tỉnh Ninh Bình cần:

Tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện pháp luật về BVMT KCN trong cả 3 khâu (lập kế hoạch kiểm tra, thực hiện kiểm tra và theo dõi việc thực hiện kiến nghị sau kiểm tra); chấn chỉnh và nâng cao chất lượng thẩm định các hồ sơ môi trường, thẩm định cấp giấy phép đầu tư.

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát các DN vi phạm quy định về luật BVMT, Luật Tài nguyên nước theo kết quả kiểm toán để xử lý những vi phạm trong lĩnh vực môi trường.

Chỉ đạo, phối hợp với Công ty Phát triển hạ tầng để chấn chỉnh hoạt động đấu nối, xả thải của các DN, chuyển những điểm đấu nối xả thải ra bên ngoài hàng rào DN, đôn đốc thực hiện đấu nối vào hệ thống nước thải tập trung.

Phối hợp với các cơ quan liên quan, trước hết là Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường đối với các KCN để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

Kết quả kiểm toán tại KCN Khánh Phú một lần nữa khẳng định việc KTNN triển khai kiểm toán môi trường là hướng đi đúng đắn và phù hợp với xu hướng quốc tế, từng bước giúp các đơn vị được kiểm toán khắc phục hạn chế để cải thiện môi trường ngày càng tốt hơn, đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế một cách bền vững.■

Kiểm toán môi trường...

(Tiếp theo trang 20)

Trung Quốc) nhằm tạo điều kiện trao đổi thông tin và chia sẻ kinh nghiệm về KTMT giữa các SAI thành viên ở khu vực châu Á, tập trung vào chủ đề nước, đa dạng sinh học, kiểm soát ô nhiễm không khí, tiết kiệm năng lượng...; tiến hành 5 cuộc điều tra về KTMT để thu thập thông tin liên quan từ các SAI thành viên; thúc đẩy hợp tác trong KTMT. Cụ thể, CNAO đã tiến hành kiểm toán việc ngăn ngừa bão cát với SAI Hàn Quốc và hỗ trợ các SAI Đông Nam Á tiến hành kiểm tra kiểm soát ô nhiễm nước trên sông Mê Kông thông qua hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ.

CNAO cũng là thành viên Ban Chỉ đạo Nhóm công tác về KTMT của Tổ chức các Cơ quan Kiểm toán tối cao (INTOSAI WGEA) vào năm 2002. Giai đoạn 2008-2010, CNAO đã chủ trì hướng dẫn lập dự thảo các nghiên cứu về "KTMT và Phát triển Bền vững", cũng là Chủ đề II của INCOSAI lần thứ 20; tham gia vào nhiều dự án nghiên cứu do INTOSAI WGEA tổ chức, bao gồm "Hướng dẫn kiểm toán về sử dụng năng lượng bền vững", "Hướng dẫn kiểm toán chất thải rắn",... chia sẻ các trường hợp và phương pháp kỹ thuật của Trung Quốc. Năm 2013, sau khi giữ vai trò Chủ tịch INTOSAI, CNAO càng tham gia sâu hơn vào các hoạt động KTMT trên phạm vi toàn cầu.

Những năm tới, với vai trò và mục tiêu đã đề ra tại Tuyên bố Bắc Kinh, CNAO sẽ tiếp tục cùng với các SAI trên thế giới tăng cường hợp tác trong lĩnh vực KTMT để cùng nhau đạt được mục tiêu phát triển bền vững.■

(Nguồn: Tạp chí ASOSAI)

NGỌC QUỲNH ***(lược dịch)***

Kiểm toán môi trường đối với Dự án Tài chính nông thôn III - một số kết quả và khuyến nghị

PGS.TS. NGUYỄN PHÚ GIANG - Đại học Thương mại

Kiểm toán môi trường (KTMT) là sự kiểm tra, đánh giá các thông tin về môi trường liên quan đến một hoạt động kinh tế, một lĩnh vực, một ngành để nêu lên sự phù hợp so với các quy định, hoặc tìm ra cách thức để đáp ứng các yêu cầu về môi trường. Theo đó, mục tiêu trước tiên của KTMT là xác định các tiêu chuẩn để kiểm tra, đánh giá mức độ ảnh hưởng đến môi trường của đối tượng kiểm toán.

Tại Việt Nam, Dự án Tài chính nông thôn III (TCNT III) thuộc gói Tín dụng số 4447-VN với khoản tín dụng tương đương 200 triệu USD được Ngân hàng thế giới (WB) tài trợ cho Chính phủ Việt Nam nhằm mục tiêu tăng các lợi ích kinh tế; tăng cường đầu tư vốn của các DN ở vùng nông thôn cũng như tạo thêm công ăn việc làm; các định chế tài chính tham gia (PFI) tăng cường cho vay, đặc biệt là cho vay có kỳ hạn đối với các hoạt động đầu tư cơ bản của khu vực kinh tế tư nhân nông thôn theo các điều kiện thị trường.

Theo điều khoản tham chiếu (TOR), nhiệm vụ chính của KTMT đối với Dự án TCNT III là đánh giá sự tuân thủ của các bên tham gia, bao gồm: Ban quản lý dự án (QLDA); các PFI và người vay cuối cùng (TDA)

trong việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường (BVMT) của Việt Nam, của WB cũng như các quy định riêng của Dự án trong Hướng dẫn 7132 về thực hiện đánh giá và giám sát tác động môi trường của các TDA vay vốn Dự án TCNT III. Trên cơ sở các đánh giá đó, KTMT phải đưa ra khuyến nghị thích hợp đối với các bên liên quan về những bước tiếp theo cần thực hiện nhằm cải thiện chất lượng thực hiện Dự án về mặt môi trường.

Nội dung KTMT đối với Dự án tài chính nông thôn tại Việt Nam

Phạm vi công việc của KTMT đối với Dự án TCNT III gồm:

Một là, kiểm toán sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam, của WB và của Dự án TCNT III đối với các bên liên quan, cụ thể là:

Kiểm toán tuân thủ đối với Ban QLDA trong việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường như: ban hành văn bản hướng dẫn về bảo vệ môi trường, công tác tập huấn, giám sát, chế độ báo cáo.

Kiểm toán tuân thủ đối với các PFI/ chi nhánh PFI bao gồm: đánh giá nhận thức của chi nhánh/cán bộ tín dụng đối với công tác bảo vệ môi trường của Dự án; kiểm tra tính tuân thủ của chi nhánh/cán bộ tín dụng trong việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường của Dự án như công tác truyền đạt các văn bản hướng dẫn bảo vệ môi trường, công tác kiểm tra, giám

sát về bảo vệ môi trường đối với các TDA, công tác lưu trữ hồ sơ, thông tin, báo cáo, biện pháp xử lý của PFI/ chi nhánh đối với các TDA chưa thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết hoặc gây ô nhiễm tới môi trường.

Kiểm toán tuân thủ đối với các TDA được lựa chọn, bao gồm: đánh giá nhận thức của chủ TDA về bảo vệ môi trường và các quy định của Dự án; kiểm tra TDA có áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường phù hợp với quy định của Dự án hay không.

Hai là, đánh giá tính thích hợp của cơ chế kiểm tra, giám sát và thực hành của các bên tham gia Dự án trong việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

Ba là, dựa trên các kết quả đánh giá, khuyến nghị của tư vấn và các giải pháp cụ thể về các hành động tiếp theo cần thực hiện của Ban QLDA, các PFI, người vay cuối cùng (TDA) để thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường/ quản lý vật hại một cách tốt nhất.

Bốn là, việc tư vấn sẽ giúp Ban QLDA hoàn thiện điều khoản tham chiếu dành cho tư vấn hỗ trợ môi trường giai đoạn 2 để đảm bảo hiệu quả công việc và phù hợp với thực tế triển khai Dự án TCNT III.

Nhiều tổ chức tài chính ngân hàng đã yêu cầu thẩm định về BVMT trong quá trình cho vay

Qua quá trình làm việc với các PFI, công tác BVMT của Dự án TCNT III được đánh giá như sau:

Vấn đề áp dụng các quy định về BVMT trong quá trình cho vay là công việc còn khá mới mẻ đối với các ngân hàng nói chung và các cán bộ tín dụng nói riêng bởi đây là lần đầu tiên hệ thống ngân hàng thương mại thực hiện điều này.

Nhờ có sự tích cực của Ban QLDA trong việc hướng dẫn, đào tạo, phổ biến các quy định về BVMT, các PFI đã nâng cao nhận thức về BVMT, kể từ cấp lãnh đạo đến cán cán bộ tín dụng. Tới nay, hầu hết cán bộ lãnh đạo của các chi nhánh PFI, cán bộ tín dụng đều hiểu được tầm quan trọng của công tác BVMT và yêu cầu bắt buộc phải thực hiện công tác này khi cho vay vốn từ nguồn vốn Dự án TCNT III. Họ đã nắm rõ những quy định chung của bản Hướng dẫn môi trường liên quan đến mục đích, nội dung, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Dự án cũng như những quy định cụ thể liên quan đến việc áp

dụng các biện pháp BVMT, phân loại các TDA theo tiêu chí môi trường, hồ sơ tài liệu báo cáo về BVMT, công tác kiểm tra, giám sát, thông tin báo cáo và xử lý vi phạm công tác BVMT.

Các PFI cũng hiểu rằng, việc gắn kết hoạt động BVMT trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của các tiểu dự án cũng góp phần giảm thiểu rủi ro về tín dụng trong trường hợp các tiểu dự án xảy ra sự cố về môi trường hay khi bị các cơ quan quản lý môi trường tại địa phương xử phạt. Hơn nữa, việc thực hiện các biện pháp BVMT của các tiểu dự án góp phần tạo ra môi trường xanh - sạch - đẹp không những cho chính gia đình họ mà còn cho những người dân xung quanh và cho các thế hệ tương lai, tạo nên sự phát triển bền vững.

Từ nhận thức tốt về công tác BVMT, một số PFI đã chủ động triển khai hoạt động BVMT trên toàn hệ thống của mình thông qua việc cụ thể hóa bản hướng dẫn môi trường của Dự án, đưa ra văn bản hướng dẫn riêng của mình về quy trình quản lý cho vay lại đối với các TDA vay vốn từ nguồn vốn Dự án TCNT III; lồng ghép nội dung kiểm tra hoạt động BVMT trong các đoàn kiểm tra nội bộ của PFI. Các tổ chức như Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đông Á, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã ban hành quy trình thực hiện đánh giá và giám sát tác động tới môi trường của các TDA vay vốn dựa trên cơ sở quy định của Dự án TCNT; Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội tổ chức đào tạo cho các chi nhánh về BVMT… Đặc biệt, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín còn ban hành quy định phải thẩm định về mặt môi trường đối với tất cả các khoản vay thương mại.

Cần thúc đẩy KTMT để tạo nên sự phát triển bền vững cho xã hội

Để đẩy mạnh việc triển khai áp dụng KTMT, các cơ quan quản lý nhà nước cần quan tâm hơn đến các vấn đề sau:

Thứ nhất, xây dựng sổ tay hướng dẫn kế toán, KTMT cho các ngành công nghiệp nói chung và cho một số ngành công nghiệp nói riêng. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục, nâng cao nhận thức về KTMT; khuyến khích, hỗ trợ phát triển dịch vụ tư vấn về kế toán, KTMT.

Thứ hai, nghiên cứu xây dựng và ban hành chính sách khuyến khích cũng như bắt buộc về việc áp dụng kế toán, KTMT trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đảm bảo một lộ trình nhất định để các DN có thể hiểu rõ các quy định cũng như có phương án chuyển đổi, thay thế và điều chỉnh hoạt động của mình cho phù hợp với quy định.

Thứ ba, cần có chế tài khuyến khích, hỗ trợ các DN tự nguyện áp dụng và cơ chế thúc đẩy hoạt động kế toán, KTMT; xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về chất thải; áp dụng các tiêu chuẩn mà thế giới đã áp dụng nhằm thống nhất quản lý trong vấn đề này.

Đối với các DN, cần chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và áp dụng KTMT trong các hoạt động sản xuất của mình nhằm hướng tới việc bảo vệ môi trường và tiết kiệm các chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Để thực hiện việc KTMT có hiệu quả, một vấn đề vô cùng quan trọng là phải xây dựng được các tiêu chí đo lường đánh giá về việc bảo vệ môi trường gắn với từng loại hoạt động kinh doanh cụ thể. Các chỉ số đo lường phải được xây dựng từ việc quan sát theo từng thời kỳ, phù hợp với tình trạng hoạt động và khuynh hướng phát triển của môi trường, của từng vùng địa lý. Những chỉ số đo lường phải thể hiện được sự ảnh hưởng của hoạt động đối với môi trường đất, không khí, nước… Hơn thế nữa, kiểm toán viên cũng cần xây dựng các chỉ số sử dụng đất, nước, năng lượng, nguyên vật liệu…

Khi tiến hành kiểm toán, cần so sánh với các chỉ số đo lường tiêu chuẩn, với mục tiêu đặt ra, với giá trị kỳ trước để chỉ ra các điểm bất thường trong hoạt động của đối tượng kiểm toán. Các chỉ số đo lường có thể là: mức tiêu dùng nước/ đơn vị sản phẩm, sự phát xạ, phát tán của chất thải (khối lượng, mức độ tập trung…), chi phí dành cho việc khử ô nhiễm môi trường…

Tóm lại, trong thời kỳ hội nhập, sự phát triển của nền kinh tế rất dễ kéo theo những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Trong bối cảnh này, KTMT chính là một công cụ hiệu quả để phát hiện những trường hợp không tuân thủ hệ thống tiêu chí đo lường an toàn đối với môi trường, từ đó điều chỉnh hành vi của các DN và hoàn thiện các chính sách cũng như các chức năng quản lý liên quan đến môi trường.■

Một phương án xử lý khó khăn khi kiểm toán dự toán ngân sách

TS. JOSE OYOLA

Chuyên gia tư vấn quốc tế của Dự án quản trị nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện, nguyên Kiểm toán viên cao cấp của KTNN Hoa Kỳ

Dự toán ngân sách là những dự báo, ước lượng về việc thu, chi và tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Khi kiểm toán dự toán ngân sách, cơ quan kiểm toán phải đánh giá những dự toán đó có hợp lý không, có thực tiễn không, có khả thi không… Điều này có thể liên quan đến các dự án mà Chính phủ dự định triển khai.

Kiểm toán dự toán ngân sách là một thách thức

Kiểm toán dự toán ngân sách là một nhiệm vụ rất khó khăn bởi quá trình này chỉ đánh giá những sự việc sẽ xảy ra trong tương lai, nó khác hoàn toàn với nhiệm vụ kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách với những nội dung, những vấn đề đã diễn ra trong quá khứ.

Nếu Quốc hội yêu cầu cơ quan kiểm toán đánh giá dự toán của một dự án xây dựng sân bay để có căn cứ quyết định triển khai dự án đó hay không thì cơ quan kiểm toán cần phải làm gì? Trong trường hợp này, cơ quan kiểm toán tối cao không chỉ là đánh giá dự toán, không chỉ ước lượng các con số sẽ đạt trong tương lai mà phải ước tính được những rủi ro và phải kiểm toán tất cả những rủi ro có thể gắn với dự án. Cơ quan kiểm toán cũng phải báo cáo với Quốc hội về những rủi ro này để Quốc hội hoặc một cơ quan chức năng nào đó thực hiện theo dõi, giám sát giúp dự án tránh được rủi ro hoặc rủi ro sẽ được giảm thiểu.

Trong việc xây dựng dự toán, vấn đề thu và chi ngân sách là những nội dung rất quan trọng, được ví như hai vế của phương trình. Khi đánh giá dự toán thu, kiểm toán viên phải tách ra khỏi dự toán chi.

Muốn làm tốt vai trò kiểm toán dự toán ngân sách ở khía cạnh thu, cơ quan kiểm toán phải hiểu được mô hình dự báo ngân sách của bộ tài chính về dự toán thu, về thất nghiệp, về hữu nghiệp, về xuất - nhập khẩu, về tăng trưởng kinh tế… Để đáp ứng những yêu cầu đó, cơ quan kiểm toán không chỉ phải có kiểm toán viên chuyên về kế toán và kiểm toán mà còn phải có chuyên gia về kinh tế hoặc kiểm toán viên giỏi về kinh tế và tài chính.

Tương tự, khi kiểm toán dự toán chi, cơ quan kiểm toán phải dựa vào những nhiệm vụ chi quan trọng và những khoản chi ngân sách lớn nhất. Chẳng hạn, khi kiểm toán dự toán chi của bộ giáo dục, cơ quan kiểm toán phải đánh giá được tính hợp lý, tính khả thi, tính thực tế của dự toán đó; phải căn cứ vào những thông tin về nhân khẩu học như tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học ở các địa phương và các vùng miền để xem dự toán chi cho giáo dục có phù hợp hay không. Để làm được việc này, cơ quan kiểm toán phải có chuyên gia về nhân khẩu học, phải biết được những xu hướng thay đổi về nhân khẩu học ra sao. Nếu chưa có các chuyên gia này, cơ quan kiểm toán phải nhanh chóng xây dựng đội ngũ, hoặc phải thuê chuyên gia bên ngoài.

Như vậy, dù là dự toán thu hay chi, nhiệm vụ kiểm toán dự toán ngân sách đều là những thách thức không nhỏ, bởi nó đòi hỏi kiểm toán viên phải có các kỹ năng và kiến thức rất đặc biệt. Khi xác định kiểm toán dự toán ở lĩnh vực nào thì cơ quan kiểm toán cũng phải phát triển kỹ năng của kiểm toán viên thật phù hợp hoặc có thể thuê chuyên gia. Tuy nhiên, dù có thuê chuyên gia nhưng nếu đội ngũ nội tại của cơ quan kiểm toán không có trình độ tương tự chuyên gia thì cũng không thể đánh giá được chất lượng của các số liệu hay chất lượng các báo cáo đã thu thập được.

Thay thế kiểm toán số dự toán bằng kiểm toán quy trình kiểm soát nội bộ

Tuy kiểm toán dự toán ngân sách là một nhiệm vụ khó khăn nhưng thông lệ của các cơ quan kiểm toán tối cao trên thế giới vẫn có phương án xử lý hiệu quả. Đó là, thay vì việc kiểm toán

những con số dự toán, cơ quan kiểm toán có thể kiểm toán quy trình kiểm soát nội bộ (hệ thống kiểm soát nội bộ) của đơn vị xây dựng dự toán.

Khi kiểm toán quy trình kiểm soát nội bộ này, cơ quan kiểm toán không nhất thiết phải có năng lực dự báo để kiểm chứng lại số liệu dự toán. Thay vào đó, cơ quan kiểm toán có thể xem xét mô hình dự báo của bộ tài chính và chất vấn mô hình đó đã được kiểm định bởi Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) hay chưa. Khi áp dụng cách tiếp cận này, cơ quan kiểm toán không phải tính toán những con số dự báo, mà sử dụng những chuẩn mực, những tiêu chí của IMF để đánh giá năng lực xây dựng dự toán ngân sách của các cơ quan Chính phủ có đáp ứng được các chuẩn mực của IMF.

Về nội dung này, IMF đã đặt ra 4 yêu cầu rất quan trọng trong xây dựng dự toán, đó là: các quy tắc về dự toán, tính toàn diện của dự toán, việc xây dựng dự toán gắn với việc phân tích chính sách cũng như gắn với trách nhiệm giải trình, và cuối cùng là độ tin cậy của dự toán. Các yêu cầu được thể hiện trên một biểu mẫu có một bảng câu hỏi để đánh giá, mỗi câu hỏi có thang điểm từ 0 đến 4, nếu các tài liệu ngân sách đạt cả 4 điểm nêu trên thì sẽ được đánh giá là hữu ích, phù hợp cho các nhà hoạch định chính sách tham khảo.

Theo đó, báo cáo ngân sách phải đảm bảo các tiêu chí như: phạm vi báo cáo, tần suất, thời gian, chất lượng thông tin và độ tin cậy của báo cáo. Điều đáng chú ý là, báo cáo ngân sách cần cung cấp tổng quan, toàn diện về các hoạt động tài chính của khu vực công.

Căn cứ trên các tiêu chí này của IMF, khi kiểm toán quy trình xây dựng dự toán của một cơ quan nào đó, câu hỏi đầu tiên mà cơ quan kiểm toán có thể đặt ra là ngân sách đó có bao gồm tất cả chủ thể tham gia các hoạt động của Chính phủ hay không, nếu có thì nó được đưa vào như thế nào? Sở dĩ cơ quan kiểm toán không thể bỏ qua nội dung này là bởi nếu một tổ chức rất lớn có sử dụng ngân sách nhưng lại nằm ngoài ngân sách (không được phản ánh vào NSNN) thì đó sẽ là một rủi ro rất lớn cho ngân sách quốc gia. Nếu KTNN Việt Nam xác định phải tìm ra được một chủ thể tham gia vào hoạt động của Chính phủ, có khả năng gây rủi ro rất lớn cho ngân sách nhưng lại không thể hiện trong NSNN thì chắc chắn đó sẽ là một điểm nhấn rất quan trọng trong công tác kiểm toán của KTNN.

Còn một câu hỏi nữa, Chính phủ có công khai báo cáo cùng với bảng cân đối tài sản và nguồn vốn với giá trị ròng của

Chính phủ hay không? Ví dụ, tài sản và cổ tức của các DNNN có được đưa vào các báo cáo? Ngân sách có bao gồm tất cả các khoản thu, chi của Chính phủ và tất cả các nguồn tài chính? Các khoản miễn, giảm thuế có được phản ánh đầy đủ trong báo cáo ngân sách hay không?

Tiếp theo là tần suất công khai các báo cáo, các kết quả thực hiện ngân sách được công bố như thế nào, có đúng thời hạn đã được quy định hay không?

Mặc dù KTNN Hoa Kỳ (GAO) đã thuê các chuyên gia kinh tế hàng đầu để xây dựng một mô hình dự báo về kinh tế vĩ mô cũng như dự báo về khả năng thu ngân sách nhằm mục đích so sánh với kết quả tính toán của Bộ Tài chính Hoa Kỳ và văn phòng ngân sách liên bang. Tuy nhiên, khi được Quốc hội Mỹ yêu cầu thực hiện kiểm toán nợ công, GAO đã tiếp cận theo cách không kiểm toán con số tại Bộ Tài chính mà hỏi xem Bộ đã đáp ứng các câu hỏi trong phiếu khảo sát của IMF hay chưa. Điều đó có nghĩa là GAO không kiểm toán nợ công theo những chuẩn mực kiểm toán thông thường mà chỉ kiểm toán xem Bộ Tài chính có thực hiện những tham mưu, cố vấn đã được IMF đưa ra 2 lần/năm khi đánh giá kinh tế vĩ mô ở Mỹ. Nếu thấy Bộ Tài chính Hoa Kỳ không tuân theo những khuyến nghị của IMF thì GAO sẽ đưa ra kiến nghị.

Tóm lại, cơ quan kiểm toán có thể sử dụng một hoặc kết hợp giữa hai cách tiếp cận trên để kiểm toán dự toán ngân sách. Không kiểm toán con số dự toán thì có thể sử dụng kỹ năng của một tổ chức chuyên gia và coi đây là một chuẩn mực để kiểm toán và đánh giá quá trình đơn vị thực hiện theo khuyến nghị của tổ chức đó.■

LƯU HƯỜNG ***(ghi)***

Doanh nghiệp làm từ thiện...

(Tiếp theo trang 15)

Đối với các TCXH dân sự, họ cũng cần được cung cấp thông tin đầy đủ về nguồn tiền tài trợ, có tiêu chí đánh giá mức độ công khai, minh bạch về hoạt động kinh doanh của DN. Hiện nay, đại đa số các tổ chức xã hội đều thừa nhận là họ không được tiếp cận và cũng không hiểu biết về các DN đã đầu tư nguồn từ thiện cho họ.

Để giải quyết tình trạng trên, rất nhiều giải pháp cải thiện môi trường pháp lý đã được nêu ra như:

Thống nhất và tổng hợp các ưu đãi về thuế cho hoạt động từ thiện ở một tài liệu cụ thể, in và phổ biến cùng lúc với các thủ tục thành lập DN;

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến về các chính sách khuyến khích DN làm từ thiện;

Đơn giản hóa các thủ tục giấy tờ khi quyết toán các khoản chi;

Cần có những nghiên cứu sâu sắc, toàn diện hơn về những khoảng trống giữa chính sách và thực tiễn trong hoạt động từ thiện DN, đồng thời phát triển bền vững khu vực xã hội dân sự ở Việt Nam.

PGS.TS Nguyễn Mạnh Quân - Viện trưởng Viện nghiên cứu phát triển DN - cho rằng, DN cần được kiểm toán và công khai kết quả kiểm toán để giải quyết thắc mắc của các TCXH dân sự về mức độ minh bạch trong hoạt động kinh doanh. Không nên chỉ dừng lại ở việc khuyến khích DN tham gia từ thiện mà phải có động thái tích cực trong việc hợp tác với các TCXH dân sự. Về phía các TCXH dân sự, theo ông Quân, các tổ chức này cần chuyên nghiệp hơn, tự nâng cao khả năng của mình trong việc kêu gọi và sử dụng các nguồn tài trợ với những chiến lược và chương trình phát triển vì cộng đồng cụ thể, minh bạch, khả thi. Các TCXH cũng cần chủ động tìm hiểu DN muốn gì, cần gì, chế độ kế toán - kiểm toán như thế nào, nguồn tài trợ xuất phát từ đâu và có minh bạch hay không…

Trong bối cảnh thiên tai liên tục diễn ra khắp cả nước, nạn nghèo đói, thất học vẫn hoành hành trên mọi miền, điều quan trọng nhất hiện nay là Nhà nước cần sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật cho việc làm từ thiện của DN; còn DN thì không chỉ coi từ thiện là trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội mà còn là kênh đầu tư thương hiệu của chính mình. Cùng với đó, các TCXH phải tự nâng cao năng lực, uy tín thông qua việc xây dựng những chương trình từ thiện hiệu quả và minh bạch. Đây chính là điều kiện và môi trường thuận lợi để các DN tham gia nhiều hơn vào các hoạt động từ thiện - một hình thức đầu tư lành mạnh của DN trong tương lai.■

Dự án BT đầu tiên của Thành phố Hồ Chí Minh dưới góc nhìn kiểm toán

HOÀNG DUY TRUNG
Kiểm toán Nhà nước khu vực IV

Là cửa ngõ chính phía Đông Bắc của TP.HCM để vào nội ô, cầu Sài Gòn cũ được xây dựng từ năm 1958, hoàn thành năm 1961 với chiều dài hơn 986 m, gồm 32 nhịp. Cầu được sửa chữa 3 lần vào các năm 1995, 1996, 1998. Tuy nhiên trong nhiều năm qua, với tốc độ phát triển kinh tế xã hội liên tục tăng cao, lưu lượng giao thông tại khu vực cửa ngõ của Thành phố đã đạt đến mức bão hòa, trong khi việc sửa chữa, nâng cấp cầu cũ không thể giải quyết được gốc rễ vấn đề. Bởi vậy, nhu cầu phải xây dựng thêm một cây cầu bên cạnh cầu Sài Gòn cũ là hết sức cấp bách. Theo đó, Dự án cầu Sài Gòn 2 ra đời (sau đây gọi tắt là Dự án).

Chuyển Dự án từ BOT sang BT

Đầu năm 2008, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Phú Mỹ (PMC) đề xuất đầu tư xây dựng Dự án theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT). Với hình thức này, việc thu hồi vốn đầu tư Dự án sẽ được thực hiện bằng cách thu phí sau khi Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP. HCM (CII) kết thúc thu phí đường Điện Biên Phủ tại Trạm thu phí Xa lộ Hà Nội. Tuy nhiên, đến năm 2013, dù đã kết thúc thời gian thu phí đường Điện Biên Phủ, CII vẫn tiếp tục thu phí tại trạm này với mục đích hoàn vốn cho việc mở rộng Xa lộ Hà Nội (hiện vẫn đang triển khai). Do khoảng cách từ cầu Sài Gòn 2 đến Trạm thu phí Xa lộ Hà Nội chỉ là 4,5 km nên không thể đặt thêm trạm thu phí, đây là vướng mắc lớn khiến phương án đầu tư theo hình thức BOT khó thực hiện được.

Cuối tháng 06/2010, UBND TP. HCM quyết định chuyển đổi hình thức đầu tư dự án từ BOT sang BT. Ba đơn vị cùng đề nghị được tham gia thực hiện Dự án là PMC, CII và Tổng Công ty Xây dựng số 1 (CC1). Để triển khai Dự án, UBND TP. HCM đã thành lập Nhóm công tác liên ngành theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 28/01/2011, trong đó, Lãnh đạo Sở Giao thông Vận tải (GTVT) được giao nhiệm vụ nhóm trưởng, thành viên là đại diện các sở, ngành liên quan.

Nhóm công tác liên ngành của Thành phố đã thực hiện tuyển chọn nhà đầu tư Dự án. Trên cơ sở kết quả tuyển chọn, ngày 12/7/2011, UBND TP. HCM báo cáo, đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi, đầu tư Dự án theo hình thức BT, đồng thời ủy quyền cho UBND TP. HCM lựa chọn nhà đầu tư đàm phán hợp đồng BT. Đến ngày 29/8/2011, Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 1519/TTg-KTN

phê duyệt yêu cầu này. Trên cơ sở hồ sơ đề xuất của các nhà đầu tư và kết quả đàm phán hợp đồng BT giữa Nhóm công tác liên ngành với CII, Sở GTVT đã báo cáo và được UBND TP. HCM chấp thuận tại Công văn số165/UBND-ĐTMT ngày 13/01/2012 về việc lựa chọn CII làm nhà đầu tư Dự án BT này. Đây chính là Dự án đầu tiên UBND Thành phố thực hiện đầu tư theo hình thức BT, với tổng mức đầu tư là 1.495 tỷ đồng (chưa bao gồm lãi vay trong thời gian xây dựng và lãi trả chậm).

Quá trình thực hiện về cơ bản là tốt...

Theo kết quả kiểm toán của KTNN, trong quá trình đầu tư xây dựng Dự án, UBND Thành phố, các cơ quan nhà nước, nhà đầu tư và các đơn vị có liên quan đã cơ bản thực hiện tốt chính sách, chế độ trong quản lý đầu tư xây dựng hiện hành. Cụ thể:

Quá trình lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện thông qua hồ sơ mời tuyển chọn nhà đầu tư Dự án theo hình thức BT. Việc đánh giá hồ sơ dự tuyển chọn, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đã tuân thủ, đàm phán, thương thảo và ký kết hợp đồng BT thực hiện đúng quy định.

Nội dung, quy mô và giải pháp thiết kế của Dự án đã tuân thủ các quy chuẩn, phù hợp với chủ trương đầu tư và quy hoạch của TP. HCM. Nội dung, thiết kế cơ sở của Dự án bám sát mục tiêu, quy mô đầu tư. Tổng mức đầu tư được lập, thẩm định và phê duyệt đúng trình tự.

Quá trình khảo sát thực hiện tuân thủ theo đề cương, nhiệm vụ khảo sát được duyệt và phù hợp với tiêu chuẩn khảo sát, kết quả khảo sát đáp ứng được các yêu cầu đề ra. Thiết kế lập phù hợp thiết kế cơ sở được duyệt. Tổng dự toán và dự toán được lập dựa trên các chế độ, chính sách của Nhà nước về định mức, đơn giá; khối lượng đưa vào dự toán cơ bản phù hợp với thiết kế, được thẩm tra, thẩm định, phê duyệt theo đúng trình tự.

DN thực hiện Dự án và các đơn vị có liên quan đã tuân thủ theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ hoàn công công trình được lập tương đối đầy đủ, được lưu trữ theo quy định.

Công tác quản lý tiến độ thi công công trình được quản lý và chỉ đạo thực hiện tốt, được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng sớm hơn 1 tháng so với cam kết (thông xe sớm hơn 04 tháng so với kế hoạch).

Về cơ bản, khối lượng được nghiệm thu thanh toán phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công, thực tế thi

công xây dựng và quy định của hợp đồng. Công tác quản lý đơn giá và giá thanh toán tuân thủ theo hợp đồng đã ký, các chứng từ thanh toán được kiểm tra, xác nhận đầy đủ. Chi phí lãi vay được quy định cụ thể tại Hợp đồng BT, được tính toán chi tiết tại hồ sơ thanh toán. Công trình được nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng đúng quy định. Báo cáo quyết toán Dự án hoàn thành do nhà đầu tư lập đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế IFC, được Sở Tài chính TP.HCM thẩm định, trình UBND phê duyệt với giá trị được duyệt là 1.792 tỷ đồng.

... nhưng hạn chế vẫn còn nhiều

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình kiểm toán cũng cho thấy việc thực hiện Dự án vẫn tồn tại một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, Thành phố tổ chức thực hiện lựa chọn nhà đầu tư khi chưa phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi. Trong quá trình đàm phán hợp đồng BT, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 166/2011/TT-BTC ngày 17/11/2011 (có hiệu lực ngày 15/01/2012), theo đó, Hợp đồng BT của Dự án chưa được ký kết sẽ phải rà soát, điều chỉnh, cập nhật lại theo các quy định của thông tư này. Tuy nhiên, Thành phố đã không đàm phán để điều chỉnh trước khi ký kết (ngày 09/3/2012). Ngoài ra, nhà đầu tư Dự án không thực hiện đúng điều khoản của hợp đồng BT về sử dụng vốn chủ sở hữu thành lập DN Dự án (thực tế là sử dụng vốn vay ngân hàng).

Thứ hai, UBND TP. HCM giao cho nhà đầu tư tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án là chưa phù hợp với quy định của Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Nội dung Dự án đầu tư được phê duyệt không đề cập đến phương án tài chính để làm cơ sở đánh giá các đề xuất về tài chính của nhà đầu tư cũng như để đàm phán, ký hợp đồng BT sau này. Vì vậy, trong quá trình đánh giá hồ sơ dự tuyển chọn của các nhà đầu tư, Nhóm công tác liên ngành của Thành phố chỉ so sánh để lựa chọn giá đề xuất thấp nhất, chấp nhận các chỉ tiêu tài chính do nhà đầu tư được lựa chọn đề xuất (như lãi suất vay, lãi suất trả chậm, chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu được khoán gọn, cố định suốt thời gian thực hiện Dự án).

Thứ ba, tổng dự toán công trình có các nội dung áp dụng định mức không phù hợp, làm tăng giá dự toán không hợp lý hơn 3,8 tỷ đồng. Công tác thiết kế kỹ thuật, dự toán vẫn còn chưa đầy đủ, rõ ràng trong một số hạng mục; công tác bàn giao mặt bằng công trường chậm; quá trình thanh toán vẫn có một số sai sót về khối lượng và đơn giá với số tiền hơn 5,5 tỷ đồng.

Cần giảm giá trị quyết toán công trình và xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân để xảy ra sai sót

Từ những phát hiện trên, KTNN đã kiến nghị:

UBND TP. HCM cần giảm giá trị quyết toán, thanh toán vốn đầu tư Dự án số tiền 8,9 tỷ đồng, cụ thể: chi phí xây lắp công trình giảm 5,57 tỷ đồng, chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu và lãi vay trong thời gian thi công của nhà đầu tư giảm 145 triệu đồng, chi phí lãi trả chậm trong 5 năm giảm 3,2 tỷ đồng;

Báo cáo, xin ý kiến Bộ Tài chính về giao thời thực hiện Thông tư số 166/2012/TT-BTC ngày 17/11/2011 để thương thảo với nhà đầu tư BT về chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu trong thời gian thi công (20,7 tỷ đồng) và xử lý đúng quy định, phù hợp với thực tế;

Xem xét, xác định trách nhiệm, kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến những sai sót sau:

- Lựa chọn nhà đầu tư khi chưa có Báo cáo khả thi Dự án đầu tư được duyệt, chưa có phương án tài chính được duyệt làm cơ sở đánh giá các đề xuất về tài chính của nhà đầu tư cũng như để đàm phán, ký hợp đồng BT; không kiểm tra, đánh giá và yêu cầu nhà đầu tư tuân thủ điều khoản Hợp đồng BT đã ký về góp vốn chủ sở hữu để thành lập DN Dự án.
- Áp dụng định mức chưa phù hợp, làm tăng giá dự toán gói thầu xây lắp chính không hợp lý hơn 3,8 tỷ đồng.
- Lập, kiểm toán báo cáo quyết toán Dự án hoàn thành, phê duyệt quyết toán Dự án hoàn thành còn để xảy ra các sai sót như KTNN đã phát hiện.

Đối với Sở GTVT và Nhóm công tác liên ngành của TP. HCM, KTNN đã đề nghị các cơ quan này tham mưu cho UBND TP. HCM trong việc xem xét, quyết định vấn đề điều chỉnh số liệu quyết toán, thanh toán vốn đầu tư hoàn thành của Dự án và đàm phán để điều chỉnh giá trị hợp đồng BT số 01/2012/HĐ-BT ngày 09/3/2012 với nhà đầu tư Dự án theo số liệu mà KTNN đã nêu.■

Hợp phần hệ thống kênh Bắc sông Chu - Nam sông Mã thuộc Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt:

Một dự án có nhiều giải pháp đảm bảo tính kinh tế và hiệu quả

THÙY LÊ

Hồ chứa nước Cửa Đạt là một trong những công trình thủy lợi - thủy điện lớn nhất cả nước, nằm ở vùng sông Chu, thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa. Dự án được chia thành hai giai đoạn: Giai đoạn 1 - Xây dựng cụm công trình đầu mối hồ chứa nước Cửa Đạt và tuyến năng lượng (đã hoàn thành từ tháng 11/2010); Giai đoạn 2 - Xây dựng hệ thống kênh tưới cho khu vực Bắc sông Chu - Nam sông Mã khởi công tháng 3/2011 (dự kiến hoàn thành năm 2017).

Với tổng mức đầu tư hơn 4.315 tỷ đồng, Hợp phần hệ thống kênh Bắc sông Chu - Nam sông Mã (gọi tắt là Dự án) được đầu tư xây dựng nhằm mục đích cấp nước tưới cho 31.084 ha đất canh tác nông nghiệp; cấp nước sinh hoạt, chăn nuôi, công nghiệp nông thôn cho các vùng thuộc Dự án; góp phần cải thiện giao thông nông thôn, môi trường sinh thái và bảo về tài nguyên thiên nhiên. Theo đánh giá chung của KTNN, mặc dù vẫn còn một số sai phạm trong quá trình triển khai Dự án, nhưng chủ đầu tư là Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 3 (QLĐT&XDTL3), các ban QLDA cũng như các đơn vị liên quan đã có nhiều cố gắng để bước đầu hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Nhiều giải pháp thiết kế được đánh giá cao

KTNN cho rằng, Dự án là công trình tổng hợp, đa mục tiêu, vì vậy việc Chủ đầu tư, các ban QLDA và các đơn vị liên quan đưa ra giải pháp kết hợp nâng cấp các tuyến bờ kênh làm đường giao thông nông thôn đã cải thiện được hệ thống giao thông nội vùng, phục vụ hiệu quả cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp, dân sinh, kinh tế thuộc vùng Dự án.

Ngay từ khâu khảo sát, thiết kế, lập dự toán, Chủ đầu tư đã lựa chọn đơn vị có chuyên môn, năng lực thực hiện công tác xác định lựa chọn tuyến, đảm bảo phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất tự nhiên và tiết kiệm chi phí. Hồ sơ thiết kế do Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam lập phù hợp với chủ trương, mục tiêu đầu tư và các quy định hiện hành. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục, dự toán chi tiết và các khối lượng phát sinh của các gói thầu được lập, thẩm định đúng trình tự, đúng thẩm quyền. KTNN đánh giá cao giải pháp thiết kế các tuyến kênh của Dự án, đảm bảo tính kinh tế khi lựa chọn tuyến đi qua vùng địa chất, tránh đi qua khu dân cư; thiết kế tuyến kênh trên cơ sở cải tạo, nâng cấp tuyến kênh cũ, giảm chi phí đền bù và hạn chế ảnh hưởng đến diện tích đất sản xuất, tiết kiệm chi phí đầu tư. Ban

QLĐT&XDTL3 cũng đã có phương án lựa chọn vật tư, vật liệu hợp lý; áp dụng phù hợp các chế độ đơn giá, định mức... của Nhà nước trong tính toán chi phí xây lắp đảm bảo tính kinh tế và hiệu quả cho Dự án.

Công tác lựa chọn nhà thầu được tổ chức đúng trình tự, thủ tục. Qua đấu thầu và chỉ định thầu, Dự án đã giảm được gần 16,5 tỷ đồng. Trong đó, các gói thầu chỉ định thầu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ giảm được 2% giá trị trúng thầu, tương đương 11,5 tỷ đồng; Gói thầu thi công cầu máng vượt sông Âm giảm được 3,2 tỷ đồng; đấu thầu 02 gói thầu xây lắp kênh Thường Xuân giảm được 1,75 tỷ đồng so với giá được phê duyệt ban đầu. Bên cạnh đó, Chủ đầu tư, Ban đền bù giải phóng mặt bằng cũng đã rất nỗ lực trong công tác kiểm kê diện tích và tài sản; việc xây dựng phương án, thẩm định, phê duyệt phương án đền bù được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai; đẩy nhanh công tác tổ chức chi trả kinh phí đền bù cho các đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, đảm bảo bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công đúng thời gian quy định.

Báo cáo kiểm toán của KTNN cũng đã kết luận, công tác quản lý chất lượng công trình được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật chi tiết, nghiệm thu giai đoạn, tổng nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Nguyên, nhiên liệu, vật tư, thiết bị do nhà thầu cung cấp đưa vào thi công lắp đặt đảm bảo chất lượng, có chứng chỉ xác nhận kiểm định theo đúng hợp đồng và hồ sơ thiết kế. Kết quả kiểm định chất lượng công trình của Viện Kỹ thuật công trình cũng cho thấy: Hạng mục Kênh hở, Kênh ngầm bằng đường ống đạt yêu cầu về độ chặt hiện trường, không phát hiện lỗi kỹ thuật bất thường tại các vị trí kiểm tra; Chất lượng thi công cốt thép, thi công đường ống đạt yêu cầu theo thiết kế, đường ống đảm bảo áp lực theo yêu cầu, mức độ rò rỉ nước trong phạm vi cho phép.

Ngoài ra, để Dự án thuận lợi trong quá trình xây dựng, công tác giải ngân đã được thực hiện kịp thời. Ban QLDA cùng các đơn vị liên quan đã thực hiện đúng các quy định về tạm ứng, thanh toán, thu hồi tạm ứng cho các nhà thầu khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu; thanh toán đúng theo giá trị trúng thầu và các điều khoản hợp đồng, phù hợp với chứng từ chi phí.

KTNN xác nhận, tính đến 31/12/2014, tổng nguồn vốn đã thực hiện là 931,5 tỷ đồng, tương đương 70% kế hoạch vốn đã giao.

Một số hạn chế cần khắc phục

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, Báo cáo kiểm toán của KTNN cũng đã nêu rõ một số sai phạm, hạn chế của Dự án. Cụ thể: đề cương khảo sát ban đầu được lập và thực hiện chưa lường hết tính phức tạp về địa chất, do đó khi thi công, Dự án phải bổ sung phần khảo sát đo địa vật lý các khu vực núi đá vôi. Đề cương khảo sát cũng không có nội dung khảo sát địa hình kênh cấp 1, 2, 3 thuộc Kênh chính và địa chất mỏ vật liệu thuộc Kênh chính Bắc. Cũng do việc khảo sát thiết kế chưa đánh giá đầy đủ và chưa lường hết thực tế nên tuyến kênh đi qua hồ Hòn Sán chưa có phương án phá dỡ và tháo nước, thiếu phương án cấp nước khi phá hồ. Tương tự, công tác thiết kế bản vẽ thi công hạng mục kênh Thường Xuân do Ban QLDA Thủy lợi Thanh Hóa thực hiện chưa phù hợp với thực tế hiện trường, phải điều chỉnh vị trí một số van, xử lý nền đất yếu trong quá trình thực hiện. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế chưa được đánh giá đầy đủ dẫn đến phải điều chỉnh trong quá trình thi công: bổ sung thiết kế kênh và công trình trên Kênh chính đoạn từ K2+716 - K4+100; bổ sung mặt cắt đoạn kênh qua hồ Hòn Sán; bổ sung đắp đất các vị trí tụ thủy, xây đá gia cố bảo vệ mái, rãnh đá xây, xử lý tiêu nước hạ lưu cống tiêu số 9.

Công tác lập dự toán của Tổng Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam cũng còn một số sai sót. Qua thẩm tra, phê duyệt dự toán, Chủ đầu tư đã giảm trừ giá trị dự toán do tư vấn lập 22,3 tỷ đồng. Ngoài ra, KTNN cũng đã phát hiện công tác thẩm định, phê duyệt dự toán của Chủ đầu tư chưa phù hợp ở một số nội dung: áp dụng định mức, đơn giá không đúng quy định, tiên lượng dự toán chưa chính xác làm tăng giá trị các gói thầu lên 2,86 tỷ đồng. Ban QLĐT&XDTL3 cũng đã để ra sai sót hơn 2,4 tỷ đồng trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các chi phí đầu tư, bao gồm: sai khối lượng hơn 1,7 tỷ đồng; sai đơn giá hơn 560 triệu đồng; sai định mức hơn 101 triệu đồng.

Mặc dù đã có những nỗ lực nhất định trong công tác đấu thầu, chỉ định thầu nhưng Chủ đầu tư vẫn còn để xảy ra một số sai phạm. Cụ thể: tại Gói thầu XD11 - Thi công xây dựng đoạn Kênh chính, hồ sơ yêu cầu quy định liên danh nhà thầu tự huy động nguồn vốn để thực hiện gói thầu là chưa phù hợp với quy định của Chính phủ; Chủ đầu tư không phê duyệt hồ sơ yêu cầu, không có quyết định thành lập tổ chuyên gia đấu thầu, biên bản xét thầu ngày 10/7/2011 chỉ có một cán bộ thực hiện; Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất không ghi rõ hình thức hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng, không có biên bản thương thảo hợp đồng để làm rõ các nội dung trước khi ký hợp đồng theo quy định.

Ngoài ra, giống như rất nhiều dự án khác trên cả nước, Hợp phần hệ thống kênh Bắc sông Chu - Nam sông Mã cũng chậm tiến độ thi công do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. 02 gói thầu xây lắp kênh Thường Xuân do Ban QLDA Thủy lợi Thanh Hóa thực hiện chậm 14 tháng so với kế hoạch ban đầu. Nguyên nhân chậm tiến độ là do phải điều chỉnh, bổ sung thiết kế trong quá trình thực hiện và do ảnh hưởng của thời tiết mưa nhiều tại khu vực xây dựng. Tương tự, tại Gói thầu XD11 - thi công đoạn kênh chính do Ban QLĐT&XDTL3 thực hiện, tiến độ hoàn thành theo hợp đồng là 30/6/2012, nhưng phải sau 3 lần gia hạn, đến tháng 12/2014, gói thầu mới nghiệm thu đưa vào sử dụng. Nguyên nhân là do Ban QLDA lập tiến độ chưa xét đến tính khả thi; công tác giải phóng mặt bằng chậm, không có mặt bằng thi công; trong quá trình thi công phải điều chỉnh, bổ sung thiết kế; năng lực của nhà thầu thi công không đáp ứng điều kiện hợp đồng. Tiến độ một số gói thầu chậm, không đáp ứng yêu cầu hợp đồng đã làm giảm tính kinh tế và hiệu lực của Dự án.

Từ những sai phạm nêu trên, KTNN đã có kiến nghị gửi đến Ban QLDA và các đơn vị liên quan. Về xử lý tài chính, KTNN đề nghị giảm trừ thanh toán 1,44 tỷ đồng. Ban QLĐT&XDTL3 kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc khảo sát thiết kế, lựa chọn nhà thầu, chậm tiến độ đối với Gói thầu XD11. Ban QLDA Thủy lợi Thanh Hóa cũng cần kiểm điểm, rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân để xảy ra sai sót trong công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công chưa phù hợp với hiện trường và chậm tiến độ đối với 02 gói thầu xây lắp kênh Thường Xuân.■

Kiểm toán năng lượng - vấn đề đang được quan tâm tại nhiều quốc gia

THANH XUYÊN

Những năm gần đây, lĩnh vực kiểm toán năng lượng (KTNL) đã và đang nhận được sự quan tâm ngày càng lớn tại nhiều quốc gia, trong đó có Phần Lan và các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU). Song song với việc từng bước phát triển hoạt động KTNL, Việt Nam cũng đã thực thi nhiều biện pháp tiết kiệm năng lượng đạt kết quả khả quan.

Mục đích của KTNL là phân tích mức tiêu thụ năng lượng tổng thể và điều tra tiềm năng tiết kiệm năng lượng của DN được kiểm toán, từ đó đề xuất các biện pháp tiết kiệm năng lượng để đem lại lợi nhuận cao nhất cho DN và cho mỗi quốc gia.

Các nước EU tích cực thực hiện quy định kiểm toán năng lượng

Sử dụng năng lượng hiệu quả là vấn đề then chốt giúp cải thiện an ninh năng lượng của châu Âu. EU đã đặt ra mục tiêu cắt giảm 20% năng lượng sử dụng vào năm 2020, đồng thời ban hành Đạo luật Hiệu quả năng lượng (EEA), có hiệu lực từ đầu năm 2015, áp dụng với các tập đoàn lớn. Đây chính là đạo luật làm thay đổi nhiều chính sách trong hoạt động KTNL.

Thời gian qua, các nước trong khu vực EU cũng đã thực hiện những biện pháp nhằm tăng cường KTNL đối với các công ty lớn. Những DN lớn được yêu cầu phải thực hiện KTNL từ ngày 05/12/2015 và sau đó lặp lại ít nhất 4 năm một lần. Bên cạnh đó, những DN nhỏ và vừa cũng được khuyến khích thực hiện KTNL.

Một nghiên cứu về hiệu quả năng lượng trong các DN do Ủy ban châu Âu công bố cho thấy, hầu hết các nước EU đã áp dụng những quy tắc này cho các DN lớn. Một số quốc gia khác vẫn đang trong quá trình đưa bộ quy tắc của EU thành luật pháp quốc gia. Có những nước lại đưa ra các ưu đãi về tài chính cho một số công ty để tiến hành kiểm toán. Chính phủ nhiều nước trong EU đã tổ chức các sự kiện,

thành lập đường dây tư vấn, cổng thông tin trực tuyến để cung cấp và trao đổi thông tin, đồng thời tạo ra những công cụ giúp các công ty thực hiện hoạt động KTNL hiệu quả.

Theo nghiên cứu, một số nước EU sẽ thực hiện kiểm toán bắt buộc đối với các DN lớn để đảm bảo các quy tắc được tuân thủ. Hình phạt đối với các công ty không tuân thủ quy định là từ 10.000 Euro (tại Áo) đến 200.000 Euro (tại Rumani). Các công ty nhỏ hơn cũng nhận được các kế hoạch hỗ trợ tài chính để thực hiện KTNL. Ví dụ ở Đức, Chương trình Tư vấn năng lượng cho các DN vừa và nhỏ hỗ trợ tới 80% chi phí.

Các doanh nghiệp Phần Lan sớm tiếp cận kiểm toán năng lượng

Tại Phần Lan, có hai loại hình KTNL: loại thứ nhất là KTNL bắt buộc, được thực hiện theo đúng Đạo luật EEA; loại thứ hai là KTNL tự nguyện, được hỗ trợ bởi Bộ Kinh tế và chính sách việc làm, áp dụng tại các DN vừa và nhỏ. Bộ này cũng hỗ trợ thực hiện KTNL các khu đô thị, thành phố muốn nghiên cứu khả năng tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, đặc biệt liên quan đến năng lượng tái tạo.

Những phương pháp hỗ trợ quá trình kiểm toán trên chỉ được áp dụng cho loại hình KTNL tự nguyện, do Chính phủ và Công ty TNHH Motiva tài trợ kinh phí cũng như phương pháp thực hiện. Do vậy, loại hình này được gọi là KTNL theo mô hình Motiva. Motiva là DNNN chuyên cung cấp cho các cơ quan, tổ chức khu vực công, các DN, đô thị, thành phố… những thông tin, giải pháp và dịch vụ liên quan giúp khách hàng lựa chọn phương án sử dụng năng lượng, nguồn nguyên - vật liệu hiệu quả và bền vững.

Nhiều công ty lớn tại Phần Lan đã được tiếp cận quá trình KTNL theo mô hình Motiva ít nhất một lần. Ngoài ra, EEA và luật pháp Phần Lan cũng đã đưa ra các yêu cầu mới về loại hình KTNL. Kết quả là, nhiều công ty đã bắt đầu tìm kiếm các cách thức mới để khảo sát tiềm năng tiết kiệm năng lượng của họ.

Trong 5 năm qua, hầu hết công ty công nghiệp lớn tại Phần Lan đã tiến hành KTNL tuân theo các quy định của EEA và tuân thủ Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001. Hệ thống này là tiêu chuẩn mới, có tính chất toàn cầu cho hoạt động quản lý năng lượng, công tác KTNL, phạm vi và tần suất của các cuộc KTNL.

Công tác KTNL phải được tiến hành khoảng 4 năm một lần (tùy thuộc vào mô hình kiểm toán). Do đó, điều quan trọng là phải lựa chọn phương pháp thực hiện phù hợp nhất

với hoạt động của từng công ty được kiểm toán.

Thực tế tại Phần Lan, nhiều công ty đang có sự giảm sút rõ rệt về nguồn lực chịu trách nhiệm thúc đẩy hiệu quả sử dụng năng lượng, do đó, trong nhiều trường hợp, họ phải thuê nhân viên bên ngoài. Tình trạng này có thể khiến các công ty phải đối mặt một số vấn đề như: không thực hiện các biện pháp tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng, thiếu thống nhất trong đội ngũ nhân viên, việc thực hiện khuyến nghị sau khi tiến hành KTNL gặp phải nhiều khó khăn, chậm trễ...

Các chuyên gia của Phần Lan khuyến cáo, khi lựa chọn mô hình kiểm toán, ít nhất cần xem xét các yếu tố sau: những thay đổi được thực hiện tại công ty kể từ lần kiểm toán gần nhất; những thay đổi ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng; cuộc kiểm toán gần nhất có tạo ra các biện pháp tối ưu hóa quá trình sử dụng năng lượng không, có nâng cao nhận thức của nhân viên không; hiệu quả sử dụng năng lượng có tương quan trực tiếp với hiệu quả của quá trình kiểm toán không…

Việt Nam đã xây dựng sổ tay kiểm toán năng lượng

Tại Việt Nam, tháng 3 vừa qua, Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ) đã hỗ trợ Tổng cục Năng lượng (Bộ Công thương) tổ chức hội thảo tham vấn "Dự thảo sổ tay hướng dẫn KTNL" nhằm xây dựng cuốn sổ tay hướng dẫn kiểm toán viên và kỹ sư đánh giá, thực hiện KTNL một cách hiệu quả và có hệ thống. Hội thảo được thực hiện trong khuôn khổ dự án hỗ trợ kỹ thuật "Năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng", do GIZ triển khai dưới sự ủy nhiệm của Bộ Hợp tác kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ).

Cuốn sổ tay hướng dẫn KTNL bao gồm: Thông tin về kế hoạch kiểm toán, nguồn lực kiểm toán, các phương pháp kiểm toán, công cụ thu thập số liệu, công cụ phân tích số liệu và biểu mẫu báo cáo kiểm toán năng lượng. Đây là tài liệu hữu ích, hướng dẫn các DN và tổ chức tại Việt Nam lồng ghép hoạt động KTNL vào chiến lược quản lý năng lượng chung.

Trong những năm qua, nền kinh tế của Việt Nam phát triển nhanh chóng, dẫn đến nhu cầu điện năng ngày càng tăng. Tổng cục Năng lượng cho biết, thông qua hoạt động KTNL, ngành công nghiệp ở Việt Nam có tiềm năng tiết kiệm năng lượng từ 25% đến 40%. Vì vậy, cùng với việc phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, Việt Nam đã thực thi nhiều biện pháp tiết kiệm năng lượng và đã đạt kết quả khả quan.■

(Theo Motiva.fi, Rd.elomatic và Ec.europa)

Tháng Mười

Tháng Mười…
Ngày dụi vào đêm
Vừa nhạt nắng
Đã loang thềm
Ướt trăng
Hơi may run rẩy bóng Hằng
Sương thu đẫm tóc, buồn giăng mi sầu
Phải chi… bóng đổ sang nhau
Có khi chẳng ướt mái đầu vì sương
Phải chi… có một lời thương
Ủ tìm ấm những đêm trường khát khao
Phải chi… Thu chẳng hanh hao
Mờ nhòa, cam chịu, như bao kiếp người
Tháng Mười…
Khô mắt
Mặn môi
Lạnh lòng
Sợ bóng trăng rơi
Sợ mình.

CHỬ THU HẰNG

Sưu tầm...

Điều đó rồi cũng qua đi

Một ngày nọ, vua Salomon bỗng muốn làm bẽ mặt Benaiah, một cận thần thân tín của mình. Vua bèn nói với ông: "Benaiah này, ta muốn ông mang về cho ta một chiếc vòng để đeo trong ngày lễ và ta cho ông sáu tháng để tìm chiếc vòng đó".

Benaiah trả lời: "Nếu có một thứ gì đó tồn tại trên đời này, thưa đức vua, tôi sẽ tìm thấy nó và mang về cho ngài, nhưng chắc là chiếc vòng ấy phải có gì đặc biệt?".

Nhà vua đáp: "Nó có những sức mạnh kỳ diệu. Nếu kẻ nào đang vui nhìn vào nó sẽ thấy buồn, và nếu ai đang buồn nhìn vào nó sẽ thấy vui". Vua Salomon biết rằng sẽ không đời nào có một chiếc vòng như thế tồn tại trên thế gian này, nhưng ông muốn cho người cận thần của mình nếm một chút bẽ bàng.

Mùa xuân trôi qua, mùa hạ đến nhưng Benaiah vẫn chưa có một ý tưởng nào để tìm ra một chiếc vòng như thế.

Vào đêm trước ngày lễ, ông quyết định lang thang đến một trong những nơi nghèo nhất của Jerusalem. Ông đi ngang qua một người bán hàng rong đang bày những món hàng trên một tấm bạt tồi tàn. Benaiah dừng chân lại hỏi: "Có bao giờ ông nghe nói về một chiếc vòng kỳ diệu làm cho người hạnh phúc đeo nó quên đi niềm vui sướng và người đau khổ đeo nó quên đi nỗi buồn không?".

Người bán hàng lấy từ tấm bạt lên một chiếc vòng giản dị có khắc một dòng chữ. Khi Benaiah đọc dòng chữ trên chiếc vòng đó, khuôn mặt ông rạng ngời một nụ cười.

Đêm đó, toàn thành phố hân hoan, tưng bừng đón mùa lễ hội.

"Nào, ông bạn của ta - vua Salomon hỏi - ông đã tìm thấy điều ta yêu cầu chưa?".

Tất cả cận thần có mặt đều cười lớn và cả chính vua Salomon cũng cười.

Trước sự ngạc nhiên của mọi người, Benaiah đưa chiếc vòng ra và nói: "Nó đây, thưa đức vua".

Khi vua Salomon đọc dòng chữ, nụ cười biến mất trên khuôn mặt vua. Chiếc vòng đó có khắc dòng chữ: "Điều đó rồi cũng qua đi".

Vào chính giây phút ấy, vua Salomon nhận ra rằng, tất thảy những sự khôn ngoan, vương giả và quyền uy của ông đều là phù du, bởi vì một ngày nào đó ông cũng chỉ là cát bụi...■

(Sưu tầm từ internet)